

**Phụ lục VI**  
**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN EA H'LEO**  
*(Kèm theo Quyết định số     /2025/QĐ-UBND*  
*ngày     /02/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

**1. Giá đất trồng lúa nước 2 vụ:**

**ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>**

| STT | Đơn vị hành chính | Mức giá điều chỉnh |          |          |
|-----|-------------------|--------------------|----------|----------|
|     |                   | Vị trí 1           | Vị trí 2 | Vị trí 3 |
| 1   | Xã Ea H'leo       | 23.000             | 21.000   | 19.000   |
| 2   | Xã Ea Sol         | 24.000             | 22.000   | 20.000   |
| 3   | Xã Ea Răl         | 25.000             | 23.000   |          |
| 4   | Xã Ea Wy          | 28.000             | 25.000   | 22.000   |
| 5   | Xã Cư A Mung      | 25.000             | 23.000   |          |
| 6   | Xã Cư Mốt         | 26.000             | 24.000   | 22.000   |
| 7   | Xã Ea Hiao        | 23.000             | 21.000   | 18.000   |
| 8   | Xã Ea Khăl        | 23.000             | 20.000   | 17.000   |
| 9   | Xã Dliê Yang      | 25.000             | 23.000   | 21.000   |
| 10  | Xã Ea Tir         | 21.000             | 18.000   | 16.000   |
| 11  | Xã Ea Nam         | 23.000             | 21.000   |          |

Ghi chú: Đối với đất trồng lúa nước 01 vụ, giá đất được tính bằng 70% đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên theo từng vị trí của từng xã.

**1.1. Thị trấn Ea Drăng**

- Vị trí 1: Tổ dân phố 1, Tổ dân phố 2, Tổ dân phố 6, Tổ dân phố 7, Tổ dân phố 8, Tổ dân phố 9, Tổ dân phố 10, Tổ dân phố 11, Tổ dân phố 12, Tổ dân phố 14, buôn Lê B

- Vị trí 2: Tổ dân phố 3, Tổ dân phố 5, Tổ dân phố 13, buôn Bléch, buôn Lê Đá

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

**1.2. Xã Ea H'leo**

- Vị trí 1: Thôn 6, thôn 7, thôn 8, thôn 9

- Vị trí 2: Thôn 2a, thôn 2b, thôn 3, thôn 4, thôn 5, buôn Treng, buôn Săm A, buôn Săm B, buôn Dang

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

**1.3. Xã Ea Sol**

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 5, thôn 3, thôn 6, thôn 7, thôn Thái, thôn Ea Yú, Buôn Drăn, buôn Tang, buôn Wing, buôn K'rái, buôn Ea Blong, buôn Chứ, buôn Diết, buôn Bung, buôn M'nút

- Vị trí 2: Buôn Hoai, buôn Chăm, buôn Bek, buôn K'ry
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

#### **1.4. Xã Ea Răl**

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 4, thôn 6, thôn 6a, thôn 7, Thôn 5, buôn A Riêng, buôn A Riêng B
- Vị trí 2: Buôn Túng Kuh, buôn Tùng xê, buôn Tùng Thăng; đất cho Công ty cao su Ea H'Leo thuê
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

#### **1.5. Xã Ea Wy**

- Vị trí 1: Thôn 1b, thôn 3a, thôn 3b, thôn 5a, thôn 6a, thôn 6b, thôn 6c, thôn 7a, thôn 7b, thôn 8a, thôn 8b và thôn 11
- Vị trí 2: Thôn 1a, thôn 2a, thôn 2b, thôn 4a, thôn 4b, thôn 5b
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

#### **1.6. Xã Cư A Mung**

- Vị trí 1: Thôn 3, thôn 4, thôn 9, thôn 10, thôn 10a, buôn Tơ Yoa
- Vị trí 2: Thôn 10b
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

#### **1.7. Xã Cư Mốt**

- Vị trí 1: Thôn 3, thôn 5, thôn 6a, thôn 6b, thôn 7
- Vị trí 2: Thôn 1, thôn 2, thôn 8, thôn 9, thôn 10, thôn 11
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

#### **1.8. Xã Ea Hiao**

- Vị trí 1: Thôn 1, 2, 3, 4a, 4b, 5a, 6, buôn K'ra, buôn Hiao 1, buôn Hiao 2
- Vị trí 2: Thôn 7a, 7b, 11, 5b, 5c, buôn K'rái, buôn Bir
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

#### **1.9. Xã Ea Khăl**

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 10, thôn 11, buôn Đung, buôn Đung A; đất cho Công ty cao su Ea H'Leo thuê
- Vị trí 2: Thôn 3, thôn 5, thôn 6, thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn 12
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

#### **1.10. Xã Dliê Yang**

- Vị trí 1: Thôn 4, buôn Draih, buôn Choah, buôn Tri B, thôn Tri C3
- Vị trí 2: Thôn 1, buôn Gha, buôn Tìr, buôn Sek, buôn Tri A

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### **1.11. Xã Ea Tір**

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3

- Vị trí 2: Thôn 4, thôn Bình Sơn

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### **1.12. Xã Ea Nam**

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 2a, thôn 3, thôn 4, thôn Ea Sia A, thôn Ea Sia B, thôn Ea Ksô, thôn Ea Ksô A, thôn Ea Đen, Buôn Kdruh, buôn Kdruh A

- Vị trí 2: Thôn 5, thôn 6, buôn Riêng A, buôn Riêng B, buôn Riêng C

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

## **2. Giá đất trồng cây hàng năm khác:**

**ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>**

| STT | Đơn vị hành chính | Mức giá điều chỉnh |          |          |
|-----|-------------------|--------------------|----------|----------|
|     |                   | Vị trí 1           | Vị trí 2 | Vị trí 3 |
| 1   | Thị trấn Ea Đrăng | 33.000             | 30.800   | 28.600   |
| 2   | Xã Ea H'leo       | 26.250             | 24.150   | 22.050   |
| 3   | Xã Ea Sol         | 24.150             | 22.050   | 19.950   |
| 4   | Xã Ea Răl         | 28.350             | 26.250   | 24.150   |
| 5   | Xã Ea Wy          | 24.150             | 22.050   | 19.950   |
| 6   | Xã Cư A Mung      | 24.150             | 22.050   | 19.950   |
| 7   | Xã Cư Mốt         | 24.150             | 22.050   | 19.950   |
| 8   | Xã Ea Hiao        | 24.150             | 22.050   | 19.950   |
| 9   | Xã Ea Khăl        | 28.350             | 26.250   | 24.150   |
| 10  | Xã Dliê Yang      | 28.350             | 26.250   | 24.150   |
| 11  | Xã Ea Tір         | 21.000             | 18.900   | 16.800   |
| 12  | Xã Ea Nam         | 28.350             | 26.250   | 24.150   |

### **2.1. Thị trấn Ea Đrăng**

- Vị trí 1: Tổ dân phố 1, Tổ dân phố 2, Tổ dân phố 6, Tổ dân phố 7, Tổ dân phố 8, Tổ dân phố 9, Tổ dân phố 10, Tổ dân phố 11, Tổ dân phố 12, Tổ dân phố 14, buôn Lê B

- Vị trí 2: Tổ dân phố 3, Tổ dân phố 5, Tổ dân phố 13, buôn Blếch, buôn Lê Đá

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### **2.2. Xã Ea H'leo**

- Vị trí 1: Thôn 6, thôn 7, thôn 8, thôn 9

- Vị trí 2: Thôn 2a, thôn 2b, thôn 3, thôn 4, thôn 5, buôn Treng, buôn Săm A, buôn Săm B, buôn Dang

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### **2.3. Xã Ea Sol**

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 5, thôn 3, thôn 6, thôn 7, thôn Thái, thôn Ea Yú, Buôn Drăn, buôn Tang, buôn Wìng, buôn K'rái, buôn Ea Blong, buôn Chứ, buôn Điết, buôn Bung, buôn M'nút

- Vị trí 2: Buôn Hoai, buôn Chăm, buôn Bek, buôn K'ry

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### **2.4. Xã Ea Răl**

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 4, thôn 6, thôn 6a, thôn 7, Thôn 5, buôn A Riêng, buôn A Riêng B

- Vị trí 2: Buôn Túng Kuh, buôn Túng xê, buôn Túng Thăng; đất cho Công ty cao su Ea H'Leo thuê

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### **2.5. Xã Ea Wy**

- Vị trí 1: Thôn 1b, thôn 3a, thôn 3b, thôn 5a, thôn 6a, thôn 6b, thôn 6c, thôn 7a, thôn 7b, thôn 8a, thôn 8b và thôn 11

- Vị trí 2: Thôn 1a, thôn 2a, thôn 2b, thôn 4a, thôn 4b, thôn 5b

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### **2.6. Xã Cư A Mung**

- Vị trí 1: Thôn 3, thôn 4, thôn 9, thôn 10, thôn 10a, buôn Tơ Yoa

- Vị trí 2: Thôn 10b

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### **2.7. Xã Cư Mốt**

- Vị trí 1: Thôn 3, thôn 5, thôn 6a, thôn 6b, thôn 7

- Vị trí 2: Thôn 1, thôn 2, thôn 8, thôn 9, thôn 10, thôn 11

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### **2.8. Xã Ea Hiao**

- Vị trí 1: Thôn 1, 2, 3, 4a, 4b, 5a, 6, buôn K'ra, buôn Hiao 1, buôn Hiao 2

- Vị trí 2: Thôn 7a, 7b, 11, 5b, 5c, buôn K'rái, buôn Bir

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### **2.9. Xã Ea Khăl**

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 10, thôn 11, buôn Đung, buôn Đung A; đất cho Công ty cao su Ea H'Leo thuê

- Vị trí 2: Thôn 3, thôn 5, thôn 6, thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn 12

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### **2.10. Xã Dliê Yang**

- Vị trí 1: Thôn 4, buôn Draih, buôn Choah, buôn Tri B, thôn Tri C3

- Vị trí 2: Thôn 1, buôn Gha, buôn Tìr, buôn Sek, buôn Tri A

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### **2.11. Xã Ea Tìr**

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3

- Vị trí 2: Thôn 4, thôn Bình Sơn

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### **2.12. Xã Ea Nam**

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 2a, thôn 3, thôn 4, thôn Ea Sia A, thôn Ea Sia B, thôn Ea Ksô, thôn Ea Ksô A, thôn Ea Đen, Buôn Kdruh, buôn Kdruh A

- Vị trí 2: Thôn 5, thôn 6, buôn Riêng A, buôn Riêng B, buôn Riêng C

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

## **3. Giá đất trồng cây lâu năm:**

**ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>**

| STT | Đơn vị hành chính | Mức giá điều chỉnh |          |          |
|-----|-------------------|--------------------|----------|----------|
|     |                   | Vị trí 1           | Vị trí 2 | Vị trí 3 |
| 1   | Thị trấn Ea Đrăng | 52.800             | 49.200   | 45.600   |
| 2   | Xã Ea H'leo       | 35.700             | 32.550   | 29.400   |
| 3   | Xã Ea Sol         | 35.700             | 32.550   | 29.400   |
| 4   | Xã Ea Răl         | 35.700             | 32.550   | 29.400   |
| 5   | Xã Ea Wy          | 35.700             | 32.550   | 29.400   |
| 6   | Xã Cư A Mung      | 35.700             | 32.550   | 29.400   |
| 7   | Xã Cư Mốt         | 34.650             | 31.500   | 28.350   |
| 8   | Xã Ea Hiao        | 35.700             | 32.550   | 29.400   |
| 9   | Xã Ea Khăl        | 35.700             | 32.550   | 29.400   |
| 10  | Xã Dliê Yang      | 35.700             | 32.550   | 29.400   |
| 11  | Xã Ea Tìr         | 29.400             | 27.300   | 25.200   |
| 12  | Xã Ea Nam         | 35.700             | 32.550   | 29.400   |

### 3.1. Thị trấn Ea Đrăng

- Vị trí 1: Tổ dân phố 1, tổ dân phố 2, tổ dân phố 6, tổ dân phố 7, tổ dân phố 8, tổ dân phố 9, tổ dân phố 10, tổ dân phố 11, tổ dân phố 12, tổ dân phố 14, buôn Lê B, đất cho Công ty cao su Ea H'Leo thuê

- Vị trí 2: Tổ dân phố 3, tổ dân phố 4, tổ dân phố 5, tổ dân phố 13, buôn Blếch, buôn Lê Đá

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### 3.2. Xã Ea H'leo

- Vị trí 1: Thôn 6, thôn 7, thôn 8, thôn 9

- Vị trí 2: Thôn 2a, thôn 2b, thôn 3, thôn 4, thôn 5, buôn Treng, buôn Săm A, buôn Săm B, buôn Dang, đất các doanh nghiệp thuê trồng rừng kinh tế bằng cây cao su

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### 3.3. Xã Ea Sol

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 5, thôn 3, thôn 6, thôn 7, thôn Thái, thôn Ea Yú, buôn Drăn, buôn Tang, buôn Wing, buôn K'rái, buôn Ea Blong, buôn Chứ, buôn Diết, buôn Bung, buôn M'nút

- Vị trí 2: Buôn Hoai, buôn Chăm, buôn Bek, buôn K'ry, đất các doanh nghiệp thuê đất trồng cao su trên địa bàn xã

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### 3.4. Xã Ea Răl

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 4, thôn 5, thôn 6, thôn 6a, thôn 7, buôn A Riêng, buôn A Riêng B

- Vị trí 2: Buôn Túng Kuh, buôn Tùng xê, buôn Tùng Thằng, đất cho Công ty cao su Ea H'Leo thuê

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### 3.5. Xã Ea Wy

- Vị trí 1: Thôn 1a, thôn 1b, thôn 2a, thôn 2b, thôn 3a, thôn 3b, thôn 5a, thôn 6a, thôn 6b, thôn 6c, thôn 7a, thôn 7b, thôn 8a, thôn 8b và thôn 11

- Vị trí 2: Thôn 4a, thôn 4b, thôn 5b, đất Công ty cao su Ea H'Leo thuê

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### 3.6. Xã Cư A Mung

- Vị trí 1: Thôn 3, thôn 4, thôn 9, thôn 10, thôn 10a, buôn Tơ Yoa

- Vị trí 2: Thôn 10b; đất Công ty cao su Ea H'Leo thuê

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### **3.7. Xã Cư Mốt**

- Vị trí 1: Thôn 3, thôn 5, thôn 6a, thôn 6b, thôn 7
- Vị trí 2: Thôn 1, thôn 2, thôn 8, thôn 9, thôn 10, thôn 11; đất Công ty cao su Ea H'Leo thuê
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### **3.8. Xã Ea Hiao**

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4a, thôn 4b, thôn 5a, thôn 6, buôn K'ra, buôn Hiao 1, buôn Hiao 2
- Vị trí 2: Thôn 7a, thôn 7b, thôn 11, thôn 5b, thôn 5c, buôn K'rái, buôn Bir; đất các doanh nghiệp thuê đất trồng cao su trên địa bàn xã
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### **3.9. Xã Ea Khăl**

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 10, thôn 11, buôn Đung, buôn Đung A
- Vị trí 2: Thôn 3, thôn 5, thôn 6, thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn 10; đất cho Công ty cao su Ea H'Leo thuê
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### **3.10. Xã Dliê Yang**

- Vị trí 1: Thôn 4, buôn Draï, buôn Choah, buôn Tri B, thôn Tri C3
- Vị trí 2: Thôn 1, buôn Gha, buôn Tìr, buôn Sek, buôn Tri A; đất Công ty cao su Ea H'Leo thuê
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### **3.11. Xã Ea Tìr**

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3
- Vị trí 2: Thôn 4, thôn Bình Minh, thôn Bình Sơn, đất Công ty cao su Ea H'Leo thuê
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

### **3.12. Xã Ea Nam**

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 2a, thôn 3, thôn 4, thôn Ea Sia A, thôn Ea Sia B, thôn Ea Ksô, thôn Ea Ksô A, thôn Ea Đen, Buôn Kdruh, buôn Kdruh A

- Vị trí 2: Thôn 5, thôn 6, buôn Riêng A, buôn Riêng B, buôn Riêng C; đất Công ty cao su Ea H'Leo thuê

#### 4. Giá đất rừng sản xuất:

ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>

| STT | Đơn vị hành chính | Mức giá điều chỉnh |          |          |
|-----|-------------------|--------------------|----------|----------|
|     |                   | Vị trí 1           | Vị trí 2 | Vị trí 3 |
| 1   | Thị trấn Ea Đrăng | 15.000             |          |          |
| 2   | Xã Ea H'leo       | 13.000             | 11.000   | 10.000   |
| 3   | Xã Ea Sol         | 11.000             |          |          |
| 4   | Xã Ea Răl         | 13.000             | 11.000   |          |
| 5   | Xã Ea Wy          | 11.000             |          |          |
| 6   | Xã Cư A Mung      | 11.000             |          |          |
| 7   | Xã Cư Mốt         | 11.000             |          |          |
| 8   | Xã Ea Hiao        | 13.000             |          |          |
| 9   | Xã Ea Khăl        | 13.000             | 11.000   |          |
| 10  | Xã Dliê Yang      | 13.000             |          |          |
| 11  | Xã Ea Tir         | 11.000             |          |          |
| 12  | Xã Ea Nam         | 13.000             |          |          |

##### 4.1. Thị trấn Ea Đrăng

- Tính 1 vị trí trên địa bàn toàn thị trấn

##### 4.2. Xã Ea H'leo

- Vị trí 1: Thôn 4, thôn 2a, thôn 2b, thôn 1

- Vị trí 2: Thôn 9, buôn Săm A, buôn Săm B, buôn Treng

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

##### 4.3. Xã Ea Sol

- Tính 1 vị trí trên địa bàn toàn xã

##### 4.4. Xã Ea Răl

- Vị trí 1: Thôn 4, thôn 5, thôn 6, thôn 6a

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

##### 4.5. Xã Ea Wy

- Tính 1 vị trí trên địa bàn toàn xã

##### 4.6. Xã Cư A Mung

- Tính 1 vị trí trên địa bàn toàn xã

#### **4.7. Xã Cư Mốt**

- Tính 1 vị trí trên địa bàn toàn xã

#### **4.8. Xã Ea Hiao**

- Tính 1 vị trí trên địa bàn toàn xã

#### **4.9. Xã Ea Khăl**

- Vị trí 1: Thôn 4, buôn Đung, buôn đung A, thôn 8, thôn 9

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

#### **4.10. Xã Dliê Yang**

- Tính 1 vị trí trên địa bàn toàn xã

#### **4.11. Xã Ea Tір**

- Tính 1 vị trí trên địa bàn toàn xã

#### **4.12. Xã Ea Nam**

- Tính 1 vị trí trên địa bàn toàn xã

### **5. Giá đất nuôi trồng thủy sản:**

**ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>**

| STT | Đơn vị hành chính | Mức giá điều chỉnh |          |
|-----|-------------------|--------------------|----------|
|     |                   | Vị trí 1           | Vị trí 2 |
| 1   | Thị trấn Ea Đrăng | 30.000             | 28.000   |
| 2   | Xã Ea H'leo       | 22.000             | 19.000   |
| 3   | Xã Ea Sol         | 22.000             | 19.000   |
| 4   | Xã Ea Răl         | 22.000             | 19.000   |
| 5   | Xã Ea Wy          | 22.000             | 19.000   |
| 6   | Xã Cư A Mung      | 22.000             | 19.000   |
| 7   | Xã Cư Mốt         | 21.000             | 18.000   |
| 8   | Xã Ea Hiao        | 24.000             | 21.000   |
| 9   | Xã Ea Khăl        | 22.000             | 19.000   |
| 10  | Xã Dliê Yang      | 22.000             | 19.000   |
| 11  | Xã Ea Tір         | 22.000             | 19.000   |
| 12  | Xã Ea Nam         | 22.000             | 19.000   |

#### **5.1. Thị trấn Ea Đrăng**

- Vị trí 1: Tổ dân phố 1, tổ dân phố 2, tổ dân phố 6, tổ dân phố 7, tổ dân phố 8, tổ dân phố 9, tổ dân phố 10, tổ dân phố 11, tổ dân phố 12, tổ dân phố 14, buôn Lê B

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

### **5.2. Xã Ea H'leo**

- Vị trí 1: Thôn 6, thôn 7, thôn 8, thôn 9
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

### **5.3. Xã Ea Sol**

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 5, thôn 3, thôn 6, thôn 7, thôn Thái, thôn Ea Yú, Buôn Drăn, buôn Tang, buôn Wíng, buôn K'rái, buôn Ea Blong, buôn Chứ, buôn Diết, buôn Bung, buôn M'nút
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

### **5.4. Xã Ea Răl**

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 4, thôn 5, thôn 6, thôn 6a, thôn 7, buôn A Riêng, buôn Riêng B
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

### **5.5. Xã Ea Wy**

- Vị trí 1: Thôn 1A, thôn 1B, thôn 2B, thôn 3A, thôn 3B, thôn 4A, thôn 4B, thôn 5A, thôn 5B
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

### **5.6. Xã Cư A Mung**

- Vị trí 1: Thôn 3, thôn 4, thôn 9, thôn 10, thôn 10a, buôn Tơ Yoa
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

### **5.7. Xã Cư Mốt**

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 5
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

### **5.8. Xã Ea Hiao**

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4a, thôn 4b, thôn 5a, thôn 6, buôn Krái, buôn Hiao 1, buôn Hiao 2
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

### **5.9. Xã Ea Khăl**

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 10, thôn 11, buôn Đung, buôn Đung A
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

### **5.10. Xã Dliê Yang**

- Vị trí 1: Thôn 4, buôn Draih, buôn Choah, buôn Tri B, thôn Tri C3
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

### **5.11. Xã Ea Tìr**

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

### 5.12. Xã Ea Nam

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 2a, thôn 3, thôn 4, thôn Ea Sia A, thôn Ea Sia B, thôn Ea Ksô, thôn Ea Ksô A, thôn Ea Đen, buôn Kdruh, buôn Kdruh A

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại.

### 6. Giá đất ở tại nông thôn:

**ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>**

| STT      | Tên đường          | Đoạn đường                                                                                                                       |                                                                                                                                  | Mức giá điều chỉnh |
|----------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|          |                    | Từ                                                                                                                               | Đến                                                                                                                              |                    |
| (1)      | (2)                | (3)                                                                                                                              | (4)                                                                                                                              | (5)                |
| <b>I</b> | <b>Xã Ea H'Leo</b> |                                                                                                                                  |                                                                                                                                  |                    |
| 1        | Quốc lộ 14         | UBND Xã Ea H'leo, hướng đi BMT - Thửa 29; TBĐ số 148 (Phía Tây đường) và thửa 28; TBĐ số 148 (Phía Đông đường)                   | Hết ranh giới thửa đất hộ ông Nay Y Ble - Thửa 17; TBĐ số 159 (Phía Tây đường) và thửa 22; TBĐ số 159 (Phía Đông đường)          | 1.680.000          |
|          |                    | Hết ranh giới thửa đất hộ ông Nay Y Ble - Thửa 17; TBĐ số 159 (Phía Tây đường) và thửa 22; TBĐ số 159 (Phía Đông đường)          | Hết ranh giới đất vườn nhà ông Trinh, CT UBND xã - Thửa 30; TBĐ số 175 (Phía Đông đường) và thửa 27; TBĐ số 175 (Phía Tây đường) | 1.260.000          |
|          |                    | Hết ranh giới đất vườn nhà ông Trinh, CT UBND xã - Thửa 30; TBĐ số 175 (Phía Đông đường) và thửa 27; TBĐ số 175 (Phía Tây đường) | Hết ranh giới đất Hội trường thôn 8 - Thửa 15; TBĐ số 184 (Phía Tây đường) và thửa 19; TBĐ số 184 (Phía Đông đường)              | 1.575.000          |
|          |                    | Hết ranh giới đất Hội trường thôn 8 - Thửa 15; TBĐ số 184 (Phía Tây đường) và thửa 19; TBĐ số 184 (Phía Đông đường)              | Giáp địa giới xã Ea Ral (Hai bên đường)                                                                                          | 997.500            |
|          |                    | UBND Xã Ea H'leo (Hướng cầu 110) - Thửa 29; TBĐ số 148 (Phía Tây đường) và thửa 28; TBĐ số 148 (Phía Đông đường)                 | Hết ranh giới thửa đất Trường THCS Chu Văn An và thửa 34; TBĐ số 141 (Phía Đông đường)                                           | 2.750.000          |
|          |                    | Hết ranh giới thửa đất Trường THCS Chu Văn An và thửa 34; TBĐ số 141 (Phía Đông đường)                                           | Giáp ngã ba vào buôn Dang - Thửa 25; TBĐ số 134 (Phía Đông đường) và thửa 28; TBĐ số 134 (Phía Tây đường)                        | 3.520.000          |
|          |                    | Giáp ngã ba vào buôn Dang - Thửa 25; TBĐ số                                                                                      | Giáp ngã ba - Thửa 65; TBĐ số 127 (Phía Tây đường) và                                                                            | 1.650.000          |

| STT | Tên đường                             | Đoạn đường                                                                                                               |                                                                                                                          | Mức giá điều chỉnh |
|-----|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|     |                                       | Từ                                                                                                                       | Đến                                                                                                                      |                    |
| (1) | (2)                                   | (3)                                                                                                                      | (4)                                                                                                                      | (5)                |
|     |                                       | 134 (Phía Đông đường) và thửa 28; TBĐ số 134 (Phía Tây đường)                                                            | thửa 53; TBĐ số 127 (Phía Đông đường)                                                                                    |                    |
|     |                                       | Giáp ngã ba - Thửa 65; TBĐ số 127 (Phía Tây đường) và thửa 53; TBĐ số 127 (Phía Đông đường)                              | Hết ranh giới Thửa đất 28; TBĐ số 112 (Phía Tây đường) và đường hẻm vào nhà bà Tục (Phía Đông đường)                     | 1.155.000          |
|     |                                       | Hết ranh giới Thửa đất 28; TBĐ số 112 (Phía Tây đường) và đường hẻm vào nhà bà Tục (Phía Đông đường)                     | Hết ranh giới đất Xí nghiệp gỗ Thanh Nguyên - Thửa 17; TBĐ số 3 (Phía Đông đường) và thửa 127; TBĐ số 2 (Phía Tây đường) | 605.000            |
|     |                                       | Hết ranh giới đất Xí nghiệp gỗ Thanh Nguyên - Thửa 17; TBĐ số 3 (Phía Đông đường) và thửa 127; TBĐ số 2 (Phía Tây đường) | Cầu 110 (Hai bên đường)                                                                                                  | 693.000            |
| 2   | Đường Trong KDC thôn 2 A              | Quốc lộ 14 Nhà ở ông Trà Văn Hiệp (Thửa 54, TBĐ số 127)                                                                  | Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Hòa (Thửa 90; TBĐ số 23)                                                                       | 280.000            |
| 3   | Đường Trong KDC thôn 2 B              | Trường Chu Văn An (Thửa 58; TBĐ số 141)                                                                                  | Hết ranh giới thửa đất ở ông Trần Văn Chí (Thửa 252; TBĐ số 140)                                                         | 300.000            |
|     |                                       | Quốc lộ 14 Nhà ở ông Nguyễn Toàn (Thửa 54; TBĐ số 135)                                                                   | Thửa đất ông Phan Hữu Bi (Thửa 43; TBĐ số 135)                                                                           | 280.000            |
|     |                                       | Thửa đất nhà ở ông Đoàn (Thửa 25; TBĐ số 134)                                                                            | Hết ranh giới thửa đất ông Trịnh Bốn (Thửa 7; TBĐ số 132)                                                                | 280.000            |
| 4   | Đường Trong KDC thôn 2 C (Đường Pháp) | Ngã ba Buôn Dang (Nhà ông Cảnh - Thửa 60; TBĐ số 129)                                                                    | Hết ranh giới thửa đất ở ông Phan Văn Chúng (Thửa 2; TBĐ số 132)                                                         | 280.000            |
|     |                                       | Ngã ba Buôn Dang (Chuồng Trâu) - Thửa 60; TBĐ số 129                                                                     | Hết ranh giới thửa đất ở ông Phụng Văn Nhờ (Thửa 48; TBĐ số 16)                                                          | 280.000            |
| 5   | Đường Trong KDC thôn 3                | Quốc lộ 14 nhà bà Đỗ Thị Hồng (Thửa 76; TBĐ số 148)                                                                      | Hết ranh giới thửa đất ở ông Bùi Văn Dũng (Thửa 118; TBĐ số 154)                                                         | 300.000            |
| 6   | Đường Trong KDC thôn 4                | Hết ranh giới thửa đất ở ông Bùi Văn Dũng (Thửa 118; TBĐ số 154)                                                         | Giáp Quốc lộ 14 (Thửa 171; TBĐ số 154)                                                                                   | 300.000            |
|     |                                       | Thửa đất nhà ở ông Nguyễn Hữu Thông (Thửa 14; TBĐ số 160)                                                                | Suối nước Đục (Thửa 32; TBĐ số 158)                                                                                      | 320.000            |

| STT | Tên đường                         | Đoạn đường                                                             |                                                                       | Mức giá điều chỉnh |
|-----|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------|
|     |                                   | Từ                                                                     | Đến                                                                   |                    |
| (1) | (2)                               | (3)                                                                    | (4)                                                                   | (5)                |
|     |                                   | Thửa đất nhà ông Nguyễn Đình Phương (Thửa 202; TBĐ số 154)             | Hết ranh giới hội trường thôn 4 (Thửa 97; TBĐ số 154)                 | 300.000            |
|     |                                   | Hết ranh giới hội trường thôn 4 (Thửa 97; TBĐ số 154)                  | Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Đức Cảnh (Thửa 147; TBĐ số 154)   | 300.000            |
| 7   | Đường Trong KDC thôn 5            | Thửa đất nhà ở ông Đỗ Hữu Tiến (Thửa 44; TBĐ số 171)                   | Hội trường thôn 5 (Thửa 35; TBĐ số 171)                               | 320.000            |
| 8   | Đường Trong KDC thôn 6            | Hội trường thôn 6 (Thửa 16; TBĐ số 179)                                | Hết ranh giới thửa đất ở ông Mai Chí Bốn (Thửa 162; TBĐ số 79)        | 300.000            |
|     |                                   | Quốc lộ 14 Nhà ở ông Lê Trọng Lan (Thửa 26; TBĐ số 171)                | Nhà điều hành Hồ thủy lợi Ea H'leo 1 (Thửa 1; TBĐ số 87)              | 500.000            |
| 9   | Đường Trong KDC thôn 7            | Hội trường thôn 7 (Thửa 57; TBĐ số 181)                                | Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Văn Quyết (Thửa 37; TBĐ số 182)   | 320.000            |
| 10  | Đường Trong KDC thôn 8            | Quốc lộ 14 Nhà ông Đào Quyết Chiến (Thửa 9; TBĐ số 181)                | Cầu suối Ea Ooc (Thửa 61; TBĐ số 85)                                  | 320.000            |
|     |                                   | Quốc lộ 14 Nhà ông Nguyễn Xuân Đạm (Thửa 3; TBĐ số 180)                | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lê Văn Cấp (Thửa 42; TBĐ số 85)        | 300.000            |
|     |                                   | Quốc lộ 14 hội trường thôn 8 (Thửa 15; TBĐ số 184)                     | Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Văn Dũng (Thửa 1; TBĐ số 184)     | 320.000            |
| 11  | Đường Trong KDC thôn 9            | Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Văn Dũng (Thửa 1; TBĐ số 184)      | Hết ranh giới thửa đất ông Phan Tiến Dũng (Thửa 171; TBĐ số 85)       | 280.000            |
| 12  | Đường Trong KDC buôn Dang         | Ngã ba buôn Dang nhà ông Chiến Thảo (Quốc lộ 14) - Thửa 57; TBĐ số 134 | Nghĩa địa Buôn Dang (Thửa 9; TBĐ số 120)                              | 360.000            |
| 13  | Đường Trong KDC buôn Săm A+B      | Thửa đất nhà ở ông Rmah H'Muong (Thửa 71; TBĐ số 141)                  | Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Đình Phương (Thửa 38; TBĐ số 154) | 360.000            |
| 14  | Đường trong khu dân cư buôn Săm A | Hết ranh giới thửa đất ở bà Nay Y Bint (Thửa 13; TBĐ số 153)           | Hết ranh giới thửa đất ở bà Nguyễn Thị Xếp (Thửa 80; TBĐ số 153)      | 280.000            |
|     |                                   | Ranh giới thửa đất ở Nay H'Hmut (Thửa 10;                              | Hết ranh giới thửa đất ở Nay Y H'Nô (Thửa 43; TBĐ số                  | 360.000            |

| STT       | Tên đường                                                       | Đoạn đường                                                                                                                   |                                                                                                                              | Mức giá điều chỉnh |
|-----------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|           |                                                                 | Từ                                                                                                                           | Đến                                                                                                                          |                    |
| (1)       | (2)                                                             | (3)                                                                                                                          | (4)                                                                                                                          | (5)                |
|           |                                                                 | TBĐ số 148)                                                                                                                  | 141)                                                                                                                         |                    |
| 15        | Đường trong khu dân cư buôn Treng                               | Ranh giới thửa đất ở bà Nguyễn Thị Luân (Thửa 108; TBĐ số 164)                                                               | Hết ranh giới thửa đất ở ông R Cầm Y Kriat (Thửa 7; TBĐ số 160)                                                              | 360.000            |
| 16        | Đường hiện trạng $\geq 3,5\text{m}$ (Bê tông hóa hoặc nhựa hóa) |                                                                                                                              |                                                                                                                              | 200.000            |
| 17        | Đường hiện trạng $\geq 3,5\text{m}$ (đường đất hoặc cấp phối)   |                                                                                                                              |                                                                                                                              | 170.000            |
| 18        | Các đường còn lại (Đã nhựa hóa, bê tông hóa)                    |                                                                                                                              |                                                                                                                              | 150.000            |
| 19        | Các đường còn lại (Đường đất, đường cấp phối)                   |                                                                                                                              |                                                                                                                              | 120.000            |
| <b>II</b> | <b>Xã Ea Sol</b>                                                |                                                                                                                              |                                                                                                                              |                    |
| 1         | Tỉnh lộ 15                                                      | Trụ sở UBND xã Ea Sol (Bao gồm cả thửa đất Bưu điện xã)                                                                      | Hết ranh giới thửa đất Sân bóng xã Ea Sol                                                                                    | 1.650.000          |
|           |                                                                 | Hết ranh giới thửa đất Sân bóng xã Ea Sol                                                                                    | Ngã ba Tý Xuyên (Phía đông đường) và hết ranh giới thửa 42; TBĐ số 232 (Phía Tây đường)                                      | 1.980.000          |
|           |                                                                 | Ngã ba Tý Xuyên (Phía đông đường) và hết ranh giới thửa 42; TBĐ số 232 (Phía Tây đường)                                      | Ngã tư, hết ranh giới thửa 76; TBĐ số 227 (Phía Đông đường) và hết ranh giới thửa 83; TBĐ số 227 (Phía Tây đường)            | 1.210.000          |
|           |                                                                 | Ngã tư, hết ranh giới thửa 76; TBĐ số 227 (Phía Đông đường) và hết ranh giới thửa 83; TBĐ số 227 (Phía Tây đường)            | Ngã ba buôn Ta Ly, hết ranh giới thửa 33; TBĐ số 218 (Phía Tây đường) và hết ranh giới thửa 28; TBĐ số 218 (Phía Đông đường) | 630.000            |
|           |                                                                 | Ngã ba buôn Ta Ly, hết ranh giới thửa 33; TBĐ số 218 (Phía Tây đường) và hết ranh giới thửa 28; TBĐ số 218 (Phía Đông đường) | Hết ranh giới Thửa 1, 2; TBĐ số 216 (Hai bên đường)                                                                          | 504.000            |
|           |                                                                 | Trụ sở UBND xã Ea Sol (Bao gồm cả thửa đất Bưu điện xã)                                                                      | Trường Nguyễn Bình Khiêm, Trường Nguyễn Khuyến                                                                               | 1.260.000          |
|           |                                                                 | Trường Nguyễn Bình Khiêm, Trường Nguyễn Khuyến                                                                               | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Phan Văn Thắng (Thửa 34; TBĐ số 237)                                                          | 1.155.000          |
|           |                                                                 | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Phan Văn Thắng (Thửa 34; TBĐ số 237)                                                          | Hết ranh giới thửa đất DNTN thương mại Quang Hợp (Thửa 90; TBĐ số 254)                                                       | 756.000            |
|           |                                                                 | Hết ranh giới thửa đất DNTN thương mại                                                                                       | Giáp địa giới hành chính xã Dliê Yang                                                                                        | 660.000            |

| STT | Tên đường                                                                                                                  | Đoạn đường                                                                         |                                                                                  | Mức giá điều chỉnh |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|     |                                                                                                                            | Từ                                                                                 | Đến                                                                              |                    |
| (1) | (2)                                                                                                                        | (3)                                                                                | (4)                                                                              | (5)                |
|     |                                                                                                                            | Quang Hợp (Thửa 90; TBĐ số 254)                                                    |                                                                                  |                    |
|     |                                                                                                                            | Tinh lộ 15 còn lại                                                                 |                                                                                  | 420.000            |
| 2   | Đường liên xã                                                                                                              | Ngã ba Tý Xuyên (Hướng Ea Hiao)                                                    | Ngã tư (Thửa đất nhà bà Nguyễn Thị Huyền thửa 120; TBĐ số 232)                   | 620.000            |
|     |                                                                                                                            | Ngã tư (Thửa đất nhà bà Nguyễn Thị Huyền thửa 120; TBĐ số 232)                     | Hết ranh giới đất Trường tiểu học Ea Sol                                         | 420.000            |
|     |                                                                                                                            | Hết ranh giới đất Trường tiểu học Ea Sol                                           | Hết khu dân cư Buôn Kri                                                          | 300.000            |
|     |                                                                                                                            | Ngã tư (Thửa đất nhà bà Nguyễn Thị Huyền thửa 120; TBĐ số 232), hướng buôn Mnút    | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Ma Thế (Thửa 92; TBĐ số 240)                      | 220.000            |
| 3   | Đường Dliê Yang - Ea Hiao                                                                                                  | Cầu (3 xã) về hướng Đông                                                           | Hết đường (Giáp địa giới hành chính xã Ea Hiao)                                  | 220.000            |
| 4   | Đường liên thôn                                                                                                            | Ngã ba cây xăng Ông Danh, thửa 11; TBĐ số 254 (Hướng nông trường cao su)           | Hết ranh giới đất nhà ông Hoàng Văn Tiến (Thửa 110; TBĐ số 249)                  | 400.000            |
|     |                                                                                                                            | Hết ranh giới đất nhà ông Hoàng Văn Tiến (Thửa 110; TBĐ số 249)                    | Nông trường cao su                                                               | 220.000            |
|     |                                                                                                                            | Nhà ông Lưu Đức Dương thôn 3 (Thửa 23; TBĐ số 238)                                 | Ngã tư (Thửa đất của Thửa 148; TBĐ số 232)                                       | 250.000            |
|     |                                                                                                                            | Ngã ba Trạm xá xã Ea Sol                                                           | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Đức Nhuận (Thửa 67; TBĐ số 231), giáp Ngã tư | 220.000            |
|     |                                                                                                                            | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Đức Nhuận (Thửa 67; TBĐ số 231), giáp Ngã tư   | Ngã ba nhà ông Ksor Năng, buôn Tang (Thửa 10; TBĐ số 237)                        | 220.000            |
| 5   | Đường hiện trạng $\geq 3,5\text{m}$ đã bê tông hóa đã nhựa hóa (Gồm Buôn Hoai, buôn Ea Blong, buôn Chấm) (nhà nước đầu tư) |                                                                                    |                                                                                  | 170.000            |
| 6   | Đường hiện trạng $>3,5\text{m}$ đã bê tông hóa đã nhựa hóa                                                                 |                                                                                    |                                                                                  | 150.000            |
| 7   | Đường hiện trạng $>3,5\text{m}$ là đường đất, đường cấp phối                                                               |                                                                                    |                                                                                  | 120.000            |
| 8   | Các đường còn lại (Gồm các đường đã nhựa hóa, bê tông hóa)                                                                 |                                                                                    |                                                                                  | 110.000            |
| 9   | Các đường còn lại (Gồm các đường cấp phối, đường đất)                                                                      |                                                                                    |                                                                                  | 100.000            |
| 10  | Đường liên xã Ea Sol đi xã Ea H'Leo                                                                                        | Ngã ba buôn Ta Ly phía nam thửa 70, tờ bản đồ 218, phía bắc thửa 34, tờ bản đồ 218 | Hết cầu buôn Ta ly phía nam thửa 22, tờ bản đồ số 123, phía bắc thửa 375, tờ 320 | 220.000            |
|     |                                                                                                                            | Cầu buôn Ta ly phía                                                                | Giáp ranh giới Công ty TNHH                                                      | 150.000            |

| STT        | Tên đường        | Đoạn đường                                                                                                                    |                                                                                                                                   | Mức giá điều chỉnh |
|------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|            |                  | Từ                                                                                                                            | Đến                                                                                                                               |                    |
| (1)        | (2)              | (3)                                                                                                                           | (4)                                                                                                                               | (5)                |
|            |                  | nam thửa 19, tờ bản đồ số 123, phía bắc thửa 21, tờ 123                                                                       | Đắk Nguyên phía nam thửa 7, tờ bản đồ số 64, phía bắc thửa 6, tờ 64                                                               |                    |
| <b>III</b> | <b>Xã Ea Ral</b> |                                                                                                                               |                                                                                                                                   |                    |
| Quốc lộ 14 |                  | UBND xã Ea Ral (Hướng cầu 110) và Hết ranh giới Trường TH Lê Văn Tám                                                          | Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Thành Công (Thửa 233; TBD số 98) phía Đông đường và thửa 230; TBD số 98 phía Tây đường        | 1.650.000          |
|            |                  | Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Thành Công (Thửa 233; TBD số 98) phía Đông đường và thửa 230; TBD số 98 phía Tây đường    | Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Duy Thanh (Thửa 76; TBD số 95) phía Đông đường và thửa 74, TBD số 95 phía Tây đường           | 2.750.000          |
|            |                  | Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Duy Thanh (Thửa 76; TBD số 95) phía Đông đường và thửa 74, TBD số 95 phía Tây đường       | Hết ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn Tinh (Thửa 93; TBD số 94) phía Đông đường và Đường vào nghĩa địa thôn 3, phía Tây đường     | 1.540.000          |
|            |                  | Hết ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn Tinh (Thửa 93; TBD số 94) phía Đông đường và Đường vào nghĩa địa thôn 3, phía Tây đường | Hết Ranh giới thửa đất ở ông Trần Hữu Quyết (Thửa 14; TBD số 93) phía Đông đường và thửa 3; TBD số 92 phía Tây đường              | 825.000            |
|            |                  | Hết Ranh giới thửa đất ở ông Trần Hữu Quyết (Thửa 14; TBD số 93) phía Đông đường và thửa 3; TBD số 92 phía Tây đường          | Giáp ranh giới Xã Ea H'leo                                                                                                        | 770.000            |
|            |                  | UBND xã Ea Ral (Hướng BMT) và Hết ranh giới Trường TH Lê Văn Tám                                                              | Hết ranh giới nhà Đội NTCS Ea Ral phía Đông đường và đường vào khu bảo tồn thông nước phía Tây đường                              | 1.760.000          |
|            |                  | Hết ranh giới nhà Đội NTCS Ea Ral phía Đông đường và đường vào khu bảo tồn thông nước phía Tây đường                          | Hội trường thôn 5 phía Đông đường và Cổng chào thôn 5 phía Tây đường                                                              | 1.540.000          |
|            |                  | Hội trường thôn 5 phía Đông đường và Cổng chào thôn 5 phía Tây đường                                                          | Hết ranh giới thửa đất ở Nguyễn Đình Hường (Thửa 168; TBD số 129) phía Đông đường và đường ranh giới Cụm CN Ea Ral phía Tây đường | 1.800.000          |

| STT | Tên đường                                             | Đoạn đường                                                                                                                        |                                                                                                    | Mức giá điều chỉnh |
|-----|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|     |                                                       | Từ                                                                                                                                | Đến                                                                                                |                    |
| (1) | (2)                                                   | (3)                                                                                                                               | (4)                                                                                                | (5)                |
|     |                                                       | Hết ranh giới thửa đất ở Nguyễn Đình Hướng (Thửa 168; TĐĐ số 129) phía Đông đường và đường ranh giới Cụm CN Ea Ral phía Tây đường | Giáp địa giới hành chính thị trấn Ea Drăng (Hai bên đường)                                         | 2.750.000          |
| 2   | Đường vào xã Cư Mốt - Ea Wy                           | Ngã ba Quốc lộ 14                                                                                                                 | Hết Ranh giới thửa đất ở hộ ông Nhân (Đối diện là thửa đất nhà ở ông Trần Lắm, thửa 61; TĐĐ số 97) | 715.000            |
|     |                                                       | Hết Ranh giới thửa đất ở hộ ông Nhân (Đối diện là thửa đất nhà ở ông Trần Lắm, thửa 61; TĐĐ số 97)                                | Giáp địa giới xã Cư Mốt                                                                            | 528.000            |
| 3   | Đường vào buôn Tùng Thăng                             | Ngã ba Quốc lộ 14                                                                                                                 | Nhà cộng đồng buôn Tùng Xê                                                                         | 350.000            |
|     |                                                       | Nhà cộng đồng buôn Tùng Xê                                                                                                        | Cầu Đá Tràn                                                                                        | 160.000            |
| 4   | Đường vào Trường THPT Phan Chu Trinh                  | Quốc lộ 14                                                                                                                        | Cuối đường (Cổng trường Phan Chu Trinh)                                                            | 1.600.000          |
| 5   | Đường giao thông nông thôn (Đối diện Cụm công nghiệp) | Ngã ba nhà ông Nguyễn Trọng Lân (Thửa 100; TĐĐ số 129)                                                                            | Giáp địa giới hành chính Thị trấn                                                                  | 300.000            |
| 6   | Đường thôn 8 đi Núi Ngang                             | Ranh giới đất nhà ông Thân Danh Côi (Thửa 6; TĐĐ số 33)                                                                           | Ranh giới thửa đất ở ông Trần Việt Tín Nghĩa (Thửa 4; TĐĐ số 93)                                   | 450.000            |
|     |                                                       | Ranh giới thửa đất ở ông Trần Việt Tín Nghĩa (Thửa 4; TĐĐ số 93)                                                                  | Núi Ngang (Đầu vườn cao su của CT cao su Ea H'leo)                                                 | 300.000            |
| 7   | Đường khu dân cư Thôn 1                               | Từ ranh giới thửa đất ở nhà ông Đoàn Quang Thanh (Thửa 81; TĐĐ số 114)                                                            | Ranh giới thửa đất ở hộ ông Võ Trường Đông (Thửa 38; TĐĐ số 106)                                   | 300.000            |
|     |                                                       | Ranh giới thửa đất ở ông Mai Hữu Khoa (Thửa 48; TĐĐ số 113)                                                                       | Hết Ranh giới thửa đất ở Trần Vĩnh Ninh (Thửa 67; TĐĐ số 105)                                      | 280.000            |
|     | Đường                                                 | Ranh giới thửa đất ở ông                                                                                                          | Hết Ranh giới thửa đất ở ông                                                                       | 300.000            |

| STT | Tên đường                                                       | Đoạn đường                                                        |                                                                            | Mức giá điều chỉnh |
|-----|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|     |                                                                 | Từ                                                                | Đến                                                                        |                    |
| (1) | (2)                                                             | (3)                                                               | (4)                                                                        | (5)                |
|     | khu dân cư Thôn 2                                               | Trần Văn Nhất (Thửa 76; TBĐ số 105)                               | Huỳnh Văn Cảnh (Thửa 55; TBĐ số 105)                                       |                    |
|     |                                                                 | Ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Luận (Thửa 38; TBĐ số 104)        | Hết Ranh giới thửa đất ở ông Phan Văn Hồng (Thửa 42; TBĐ số 103)           | 300.000            |
|     | Đường khu dân cư Thôn 3                                         | Ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Duy Thanh (Thửa 76; TBĐ số 95)    | Hết Ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Đình Đích (Thửa 22; TBĐ số 44)         | 280.000            |
|     | Đường khu dân cư Thôn 4                                         | Ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Văn Tỉnh (Thửa 93; TBĐ số 94)     | Hết Ranh giới thửa đất ở ông Đỗ Đình Luận (Thửa 112; TBĐ số 33)            | 280.000            |
|     |                                                                 | Ranh giới thửa đất ở ông Y Giáp Ksor (Thửa 95; TBĐ số 129)        | Hết Ranh giới thửa đất ở ông Phạm Mạnh Ân (Thửa 36; TBĐ số 135)            | 480.000            |
|     |                                                                 | Ranh giới thửa đất ở ông Cao Anh Vĩnh (Thửa 261; TBĐ số 117)      | Hết Ranh giới thửa đất ở ông Lê Quang Hưng (Thửa 109; TBĐ số 124)          | 300.000            |
|     |                                                                 | Ranh giới thửa đất ở ông Phan Văn Thuận                           | Hết ranh giới thửa đất ông Phan Văn Lộc                                    | 350.000            |
|     | Đường khu dân cư Thôn 5                                         | Ranh giới thửa đất ở ông Trần Hữu Hồng (Thửa 131; TBĐ số 129)     | Hết Ranh giới thửa đất của ông Hoàng Xuân Miến (Thửa 23; TBĐ số 129)       | 300.000            |
|     |                                                                 | Cổng chào thôn 5                                                  | Hết ranh giới thửa đất ông Hoàng Văn Dân (Thửa 2; TBĐ số 129)              | 300.000            |
|     |                                                                 | Ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Thanh Tiến (Thửa 10; TBĐ số 124)  | Hết Ranh giới thửa đất ở ông Phan Trọng Đăng (Thửa 256; TBĐ số 117)        | 180.000            |
|     | Đường khu dân cư Thôn 6; 6 A                                    | Ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Văn Phương (Thửa 216; TBĐ số 117) | Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Quang Tá (Thửa 1; TBĐ số 110)          | 220.000            |
|     |                                                                 | Ranh giới thửa đất ở ông Hoàng Đình Nhân (Thửa 21; TBĐ số 117)    | Hết ranh giới thửa đất ở ông Lê Thế Dũng (Thửa 8; TBĐ số 116), giáp ngã ba | 220.000            |
|     |                                                                 | Ranh giới thửa đất ở ông Trần Như Thúy (Thửa 161; TBĐ số 116)     | Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Phước (Thửa 3; TBĐ số 108)             | 350.000            |
|     | Đường khu dân cư Thôn 7                                         | Ranh giới thửa đất ở ông Đinh Văn Hiếu (Thửa 74; TBĐ số 115)      | Hết ranh giới thửa đất ở ông Trần Vĩnh Hạnh (Thửa 13; TBĐ số 115)          | 220.000            |
|     |                                                                 | Cổng chào thôn 7                                                  | Hết ranh giới thửa đất ở bà Phạm Thị Mí (Thửa 20; TBĐ số 107)              | 220.000            |
| 8   | Đường hiện trạng $\geq 3,5\text{m}$ (Bê tông hóa hoặc nhựa hóa) |                                                                   |                                                                            | 200.000            |
| 9   | Đường hiện trạng $\geq 3,5\text{m}$ (Đường đất hoặc cấp phối)   |                                                                   |                                                                            | 160.000            |
| 10  | Các đường còn lại (Đã nhựa hóa, bê tông hóa)                    |                                                                   |                                                                            | 130.000            |

| STT       | Tên đường                                     | Đoạn đường                                                        |                                                                     | Mức giá điều chỉnh |
|-----------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------|
|           |                                               | Từ                                                                | Đến                                                                 |                    |
| (1)       | (2)                                           | (3)                                                               | (4)                                                                 | (5)                |
| 11        | Các đường còn lại (Đường đất, đường cấp phối) |                                                                   |                                                                     | 110.000            |
| <b>IV</b> | <b>Xã Ea Wy</b>                               |                                                                   |                                                                     |                    |
| 1         | Đường liên huyện Ea H'leo - Ea Súp            | Thửa đất Cây xăng ông Cộng (Đi về Cư Mốt) - Thửa 208; TBĐ số 121  | Giáp ngã ba cây xoài (Đường vào nhà ông Sơn) - Thửa 222; TBĐ số 123 | 3.300.000          |
|           |                                               | Ngã ba cây xoài (Thửa 207; TBĐ số 123)                            | Ngã ba đường vào sân bóng Quang Trung (Thửa 152; TBĐ số 124)        | 2.640.000          |
|           |                                               | Ngã ba đường vào sân bóng Quang Trung (Thửa 5; TBĐ số 124)        | Giáp địa giới xã Cư Mốt                                             | 1.320.000          |
|           |                                               | Hết ranh giới đất Cây xăng ông Cộng - Thửa 208; TBĐ số 121        | Cầu Ea Wy                                                           | 1.760.000          |
| 2         | Đường liên xã                                 | Ngã ba cây xoài (Thửa 232; TBĐ số 123)                            | Hết ranh giới thửa đất hộ ông Hiếu (Thửa 163; TBĐ số 129)           | 880.000            |
|           |                                               | Hết ranh giới thửa đất hộ ông Hiếu (Thửa 163; TBĐ số 129)         | Cầu Bằng Lăng                                                       | 550.000            |
|           |                                               | Ngã ba thửa đất hộ ông Mã Văn Thành (Thửa 40; TBĐ số 118)         | Giáp địa giới xã Cư Mốt                                             | 500.000            |
| 3         | Đường liên thôn                               | Ngã ba chợ Ea Wy (Thửa 238; TBĐ số 121)                           | Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Huy Hường (Thửa 122; TBĐ số 121)   | 3.300.000          |
|           |                                               | Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Huy Hường (Thửa 122; TBĐ số 121) | Hết ranh giới đất Trường Trần Quốc Toàn (Thửa 367; TBĐ số 114)      | 2.860.000          |
|           |                                               | Hết ranh giới đất Trường Trần Quốc Toàn (Thửa 367; TBĐ số 114)    | Cầu Sắt (Thửa 380; TBĐ số 114)                                      | 1.980.000          |
|           |                                               | Cầu Sắt (Thửa 79; TBĐ số 114)                                     | Giáp ngã ba Bảy Đạo (Thửa 187; TBĐ số 107)                          | 770.000            |
|           |                                               | Giáp ngã ba Bảy Đạo (Thửa 187; TBĐ số 107)                        | Đầu ranh giới đất kho lương thực cũ (Thửa 22; TBĐ số 47)            | 550.000            |
|           |                                               | Đầu ranh giới đất kho lương thực cũ (Thửa 22; TBĐ số 47)          | Đường liên huyện (Thửa 94; TBĐ số 112)                              | 330.000            |
|           |                                               | Đầu thôn 7B (Thửa 50; TBĐ số 124)                                 | Đầu thôn 1A (Thửa 208; TBĐ số 108)                                  | 440.000            |
|           |                                               | Từ nhà ông Đoàn Ngọc Sơn                                          | Sân kho lương thực cũ                                               | 275.000            |
|           |                                               | Từ thửa đất hộ ông Nguyễn Thanh Truyền                            | Ranh giới thửa đất hộ bà Phó (thôn 2B)                              | 385.000            |
|           |                                               | Hết ranh giới thửa đất hộ bà Phó (thôn 2B)                        | Ngã ba thửa đất hộ ông Nguyễn Hoàng Tuấn Việt (thôn 2B)             | 275.000            |

| STT      | Tên đường                                                      | Đoạn đường                                                                  |                                                                  | Mức giá điều chỉnh |
|----------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------|
|          |                                                                | Từ                                                                          | Đến                                                              |                    |
| (1)      | (2)                                                            | (3)                                                                         | (4)                                                              | (5)                |
|          |                                                                | Từ thửa đất hộ ông Vũ Tuấn Khanh (Thửa 182; TBĐ số 121)                     | Thửa đất hộ bà Mạc Thị Lâm (thôn 11)                             | 1.100.000          |
|          |                                                                | Từ thửa đất hộ ông Hà Văn Thật (Thửa 167; TBĐ số 121)                       | Thửa đất hộ ông Trần Văn Toàn (thôn 11) - Thửa 251; TBĐ số 121   | 900.000            |
|          |                                                                | Đầu thôn 2B                                                                 | Hết ranh giới đất vườn nhà ông Lê Văn Tín                        | 250.000            |
| 4        | Đường nội thôn                                                 | Đầu ranh giới đất nhà ông Võ Văn Sâm (Thửa 280; TBĐ số 107)                 | Nghĩa địa thôn 2A                                                | 350.000            |
|          |                                                                | Hết ranh giới sân kho lương thực cũ (Thửa 22; TBĐ số 47)                    | Thủy điện Ea Drăng II                                            | 350.000            |
|          |                                                                | Đầu ranh giới thửa đất ông Lê Văn Mai (Thửa 83; TBĐ số 104)                 | Ngã 3 thủy điện Ea Drăng II (Thửa 1; TBĐ số 105)                 | 350.000            |
|          |                                                                | Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Bảy Thắng (Thửa 335; TBĐ số 108)             | Đầu ranh giới thửa đất ông Lê Văn Mai (Thửa 83; TBĐ số 104)      | 350.000            |
|          |                                                                | Trường tiểu học Trần Quốc Toàn                                              | Thôn 1B và thôn 8B                                               | 275.000            |
|          |                                                                | Hết ranh giới đất kho lương thực cũ (Thửa 22; TBĐ số 47)                    | Khu vực Bình Sơn Thôn 1C (X=454119.46; Y=1463433.12)             | 300.000            |
|          |                                                                | Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Nông Văn Tùng thôn 5B (Thửa 322; TBĐ số 129) | Hội trường thôn 5B (Thửa 271; TBĐ số 129)                        | 300.000            |
| 5        | Đường hiện trạng $\geq 3,5$ m đã nhựa hóa, bê tông hóa còn lại |                                                                             |                                                                  | 250.000            |
| 6        | Đường hiện trạng $\geq 3,5$ m (Đường đất, đường cấp phối)      |                                                                             |                                                                  | 200.000            |
| 7        | Các đường còn lại (Đã nhựa hóa, bê tông hóa)                   |                                                                             |                                                                  | 150.000            |
| 8        | Các đường còn lại (Đường đất, đường cấp phối)                  |                                                                             |                                                                  | 130.000            |
| <b>V</b> | <b>Xã Cư A Mung</b>                                            |                                                                             |                                                                  |                    |
| 1        | Đường liên huyện Ea H'leo - Ea Súp                             | Trụ sở UBND xã                                                              | Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Mông (Thửa 12; TBĐ số 51)   | 924.000            |
|          |                                                                | Hết ranh giới đất đất nhà ông Nguyễn Văn Mông (Thửa 12; TBĐ số 51)          | Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Lục Văn Tùng (Thửa 19; TBĐ số 11) | 792.000            |
|          |                                                                | Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Lục Văn Tùng (Thửa 19; TBĐ số 11)            | Cầu Ea Wy                                                        | 858.000            |
|          |                                                                | Hết Trụ sở UBND xã                                                          | Ranh giới thửa đất Trường TH Lê Đình Chinh                       | 792.000            |
|          |                                                                | Đầu ranh giới đất Trường TH Lê Đình                                         | Hết buôn Tơ Roa (Hết địa giới huyện)                             | 407.000            |

| STT       | Tên đường                                                    | Đoạn đường                                                                            |                                                                       | Mức giá điều chỉnh |
|-----------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------|
|           |                                                              | Từ                                                                                    | Đến                                                                   |                    |
| (1)       | (2)                                                          | (3)                                                                                   | (4)                                                                   | (5)                |
|           |                                                              | Chinh                                                                                 |                                                                       |                    |
| 2         | Đường liên xã                                                | Cầu Bằng Lăng                                                                         | Giáp Phân trường Ea Wy                                                | 341.000            |
|           |                                                              | Phân trường Ea Wy                                                                     | Giáp địa giới xã Cư Mốt                                               | 190.000            |
|           |                                                              | Giáp phân trường Ea Wy                                                                | Ngã ba Tiến Hạ                                                        | 209.000            |
|           |                                                              | Ngã ba Tiến Hạ                                                                        | Ngã ba đường đến trung tâm xã                                         | 231.000            |
|           |                                                              | Ngã ba thửa đất hộ Toàn Tuyết (Thửa 4; TĐĐ số 49)                                     | Hết xã Cư Amung đường đi thôn 2b, Ea Wy                               | 190.000            |
|           |                                                              | Ngã ba Tiến Hạ                                                                        | Ngã ba đường liên huyện Ea H'leo - Ea Súp                             | 231.000            |
|           |                                                              | Từ ngã ba đường liên huyện đường đi xã Ea Tìr                                         | Ngã tư đường trung tâm xã                                             | 209.000            |
|           |                                                              | Ngã tư đường trung tâm xã                                                             | Đi vào lò ô                                                           | 160.000            |
| 3         | Đường liên thôn                                              | Từ thửa đất hộ ông Nguyễn Văn Mông (Thửa 12; TĐĐ số 51) về hướng Bắc                  | Hết đường                                                             | 170.000            |
|           |                                                              | Ngã ba Tung Phươg (Đi thôn 3 sinh Hà Dung)                                            | Hết đường                                                             | 160.000            |
|           |                                                              | Từ phân hiệu Lê Đình Chinh tại thôn 3                                                 | Hết ranh giới thửa đất nhà ở ông Ma Văn Cây (Thửa 160; TĐĐ số 27)     | 160.000            |
|           |                                                              | Từ điểm trường chính Lê Đình Chinh                                                    | Hết ranh giới thửa đất nhà ở ông Lương Văn Trọng (Thửa 61; TĐĐ số 14) | 170.000            |
|           |                                                              | Ngã ba đường liên huyện Ea H'leo - Ea Súp (Nhà ông Nông Văn Phòng thửa 63; TĐĐ số 61) | Hết ranh giới đất trường mẫu giáo Tuổi Ngọc                           | 170.000            |
|           |                                                              | Ngã ba đường liên huyện Ea H'leo - Ea Súp (Nhà ông Lương Văn Phổ thửa 24; TĐĐ số 61)  | Cổng thôn 5 (Đường vào sinh bò)                                       | 160.000            |
| 4         | Đường hiện trạng $\geq 3,5m$ (Đã được nhựa hóa, bê tông hóa) |                                                                                       |                                                                       | 150.000            |
| 5         | Đường hiện trạng $\geq 3,5m$ (Đường đất hoặc cấp phối)       |                                                                                       |                                                                       | 120.000            |
| 6         | Các đường còn lại (Đã nhựa hóa, bê tông hóa)                 |                                                                                       |                                                                       | 110.000            |
| 7         | Các đường còn lại (Đường đất, đường cấp phối)                |                                                                                       |                                                                       | 100.000            |
| <b>VI</b> | <b>Xã Cư Mốt</b>                                             |                                                                                       |                                                                       |                    |
| 1         | Đường liên huyện Ea                                          | Trụ sở UBND xã Cư Mốt (Hướng 92)                                                      | Hết Hội trường thôn 2                                                 | 735.000            |
|           |                                                              | Hết Hội trường thôn 2                                                                 | Giáp địa giới xã Ea Ral                                               | 504.000            |

| STT | Tên đường                                                                       | Đoạn đường                                                     |                                                                   | Mức giá điều chỉnh |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------|
|     |                                                                                 | Từ                                                             | Đến                                                               |                    |
| (1) | (2)                                                                             | (3)                                                            | (4)                                                               | (5)                |
|     | H'leo - Ea Súp                                                                  | Ranh giới thửa đất UBND xã Cư Mốt (Hướng Ea Wy)                | Ngã ba xưởng cưa (Nhà ông Phan Văn Long thửa 37; TBĐ số 98)       | 1.155.000          |
|     |                                                                                 | Ngã ba xưởng cưa (Nhà ông Nguyễn Văn Thông thửa 41; TBĐ số 98) | Giáp địa giới xã Ea Wy                                            | 735.000            |
| 2   | Đường liên xã                                                                   |                                                                |                                                                   |                    |
|     | Đường Ngã ba xưởng cưa đi sinh thông (Giáp đường liên xã Ea Wy-Cư Mốt- Ea Khal) | Ngã ba xưởng cưa (Nhà ông Nguyễn Văn Thông thửa 41; TBĐ số 98) | Giáp ngã ba (Nhà ông Nguyễn Văn Minh thửa 4; TBĐ số 109)          | 500.000            |
|     |                                                                                 | Ngã ba (Nhà ông Nguyễn Văn Minh thửa 4; TBĐ số 109)            | Giáp ngã ba (Nhà ông Lữ Đình Hoàng thửa 19; TBĐ số 118)           | 350.000            |
|     |                                                                                 | Ngã ba (Nhà ông Lữ Đình Hoàng thửa 19; TBĐ số 118)             | Giáp Đường liên xã Ea Wy - Cư Mốt - Ea Khal                       | 300.000            |
|     | Đường Ea Wy - Cư Mốt - Ea Khal                                                  | Giáp xã Ea Khal                                                | Trường Bùi Thị Xuân                                               | 350.000            |
|     |                                                                                 | Trường Bùi Thị Xuân                                            | Giáp địa giới xã Ea Wy                                            | 250.000            |
|     | Đường Cư A Mung - Cư Mốt - Ea Khal                                              | Ranh giới xã Cư A Mung                                         | Địa giới xã Ea Khal                                               | 180.000            |
|     |                                                                                 |                                                                |                                                                   |                    |
| 3   | Đường liên thôn                                                                 | Ngã ba UBND xã                                                 | Giáp ngã tư (Thửa đất hộ ông Mai Xuân Thắng thửa 14; TBĐ số 94)   | 400.000            |
|     |                                                                                 | Ngã ba nhà ông Lê Minh Lập (Thửa 16; TBĐ số 95)                | Cầu Cây Sung                                                      | 200.000            |
|     |                                                                                 | Ngã ba cây sung                                                | Giáp ngã tư (Thửa đất hộ ông Trần Trung Việt thửa 55; TBĐ số 109) | 200.000            |
|     |                                                                                 | Ngã tư (Thửa đất hộ ông Trần Trung Việt thửa 55; TBĐ số 109)   | Giáp ngã tư (Hội trường thôn 6A)                                  | 200.000            |
|     |                                                                                 | Ngã tư (Thửa đất hộ ông Mai Xuân Thắng thửa 14; TBĐ số 94)     | Giáp ngã tư (Thửa đất hộ ông Phan Thành Thọ thửa 104; TBĐ số 94)  | 200.000            |
|     |                                                                                 | Ngã tư (Thửa đất hộ ông Phan Thành Thọ thửa 104; TBĐ số 94)    | Giáp ngã tư Trạm Y tế xã                                          | 200.000            |
|     |                                                                                 | Giáp ngã tư Trạm Y tế xã                                       | Giáp ngã ba (Hết thửa đất ở hộ ông Đào Văn Hào thửa 12;           | 300.000            |

| STT        | Tên đường                                                   | Đoạn đường                                                           |                                                                                                              | Mức giá điều chỉnh |
|------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|            |                                                             | Từ                                                                   | Đến                                                                                                          |                    |
| (1)        | (2)                                                         | (3)                                                                  | (4)                                                                                                          | (5)                |
|            |                                                             |                                                                      | TBĐ số 99)                                                                                                   |                    |
| 4          | Đường hiện trạng $\geq 3\text{m}$ đã bê tông hóa, nhựa hóa  |                                                                      |                                                                                                              | 150.000            |
| 5          | Đường hiện trạng $\geq 3\text{m}$ đường đất, đường cấp phối |                                                                      |                                                                                                              | 130.000            |
| 6          | Các đường còn lại (Đã nhựa hóa, bê tông hóa)                |                                                                      |                                                                                                              | 110.000            |
| 7          | Các đường còn lại (Đường đất, đường cấp phối)               |                                                                      |                                                                                                              | 100.000            |
| <b>VII</b> | <b>Xã Ea Hiao</b>                                           |                                                                      |                                                                                                              |                    |
| 1          | Khu trung tâm chợ                                           | Ngã tư chợ về phía Tây hướng 82 (Thửa 225; TBĐ số 122)               | Giáp nghĩa địa Ea Hiao 1 (Thửa 11; TBĐ số 25)                                                                | 1.650.000          |
|            |                                                             | Ngã tư chợ về phía UBND xã (Thửa 225; TBĐ số 122)                    | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Đình Cư (Thửa 245; TBĐ số 122)                                         | 1.540.000          |
|            |                                                             | Ngã tư chợ về phía Nam đi thôn 4A (Thửa 225; TBĐ số 122)             | Cầu 135 (Thửa 220; TBĐ số 122)                                                                               | 1.430.000          |
|            |                                                             | Ngã tư chợ về phía Bắc (Thửa 225; TBĐ số 122)                        | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hoàng Bốc (Thửa 32; TBĐ số 122)                                               | 1.320.000          |
| 2          | Trục đường số 1                                             | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Đình Cư (Thửa 245; TBĐ số 122) | Hết ranh giới thửa đất nhà thế giới di động (Thửa 31; TBĐ số 122)                                            | 1.100.000          |
|            |                                                             | Hết ranh giới thửa đất nhà thế giới di động (Thửa 31; TBĐ số 122)    | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Phan Thái Lai (Thửa 109; TBĐ số 110)                                          | 700.000            |
|            |                                                             | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Phan Thái Lai (Thửa 109; TBĐ số 110)  | Giáp ngã ba buôn Bir (Đi xã Ea Sol) - Thửa 50; TBĐ số 104                                                    | 350.000            |
|            |                                                             | Giáp ngã ba buôn Bir (Đi xã Ea Sol) - Thửa 51; TBĐ số 104            | Cầu buôn Kra (Thửa 56; TBĐ số 17)                                                                            | 250.000            |
| 3          | Trục đường số 2                                             | Cầu 135 (Thửa 196; TBĐ số 122)                                       | Ngã 3 nhà Ông Phạm Xuân Thảo (Thửa 100; TBĐ số 26)                                                           | 500.000            |
| 4          | Trục đường số 3                                             | Nghĩa địa Ea Hiao (Thửa 11; TBĐ số 25)                               | Hết ranh giới Trường THCS Lê Lợi (Thửa 95; TBĐ số 120)                                                       | 500.000            |
| 5          | Trục đường số 4                                             | Cầu buôn Kra (Thửa 38; TBĐ số 17)                                    | Ngã 3 Nông trường Cao su (Thửa 31; TBĐ số 105)                                                               | 200.000            |
| 6          | Trục đường số 5                                             | Hết ranh giới Trường THCS Lê Lợi (Thửa 95; TBĐ số 120)               | Giáp ranh giới xã Ea Sol phía Đông đường, phía tây đường hết đất nhà ông Phạm Phú Viễn (Thửa 28; TBĐ số 118) | 450.000            |
| 7          | Trục đường số 6                                             | Phía tây đường hết đất ông Phạm Phú Viễn - Thửa 28; TBĐ số 118       | Cầu sắt (Thửa 5; TBĐ số 113)                                                                                 | 297.000            |

| STT         | Tên đường                                              | Đoạn đường                                                                      |                                                                                                                                     | Mức giá điều chỉnh |
|-------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|             |                                                        | Từ                                                                              | Đến                                                                                                                                 |                    |
| (1)         | (2)                                                    | (3)                                                                             | (4)                                                                                                                                 | (5)                |
|             |                                                        | (Hướng 82)                                                                      |                                                                                                                                     |                    |
| 8           | Trục đường thôn 2                                      | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hoàng Bốc (Thửa 32; TBĐ số 122)                  | Giáp cao su                                                                                                                         | 550.000            |
| 9           | Đường thôn 4B                                          | Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Mão (Thửa 77; TBĐ số 123)                             | Ngã 3 nhà ông Nguyễn Thanh Chủy (Huyện) - Thửa 5; TBĐ số 36                                                                         | 190.000            |
| 10          | Đường thôn 7B tuyến 1                                  | Ngã 3 Nông trường Cao su (Thửa 31; TBĐ số 105)                                  | Trường tiểu học Lê Lai (Thửa 72; TBĐ số 112)                                                                                        | 170.000            |
| 11          | Đường liên thôn 8 đi 9                                 | Ngã 3 đất nhà ông Thống hướng sang xã Ea Tân                                    | Cầu hết ranh giới xã (Hai bên đường)                                                                                                | 250.000            |
| 12          | Đường liên thôn 8B đi 9B                               | Ngã 3 đất nhà ông Thống hướng UBND xã                                           | Hết ranh giới đất bố trí giãn dân thôn 8B và 9B hai bên đường                                                                       | 200.000            |
| 13          | Đường liên thôn 9A đi 9B                               | Ngã 3 nhà Ông Sơn và Bà Miên (Thửa 106; TBĐ số 79)                              | Đầu ranh giới nhà Ông Lý Dũng Kiều (Thửa 3; TBĐ số 88)                                                                              | 200.000            |
| 14          | Đường giao thông buôn Bir                              | Ngã ba buôn Bir, đất ông Ksor Y Lúc (Hai bên đường) - (Thửa 37; TBĐ số 104)     | Giáp cao su Nông trường đến hết đất sân bóng chuyên Buôn Bir (Thửa 8; TBĐ số 101)                                                   | 220.000            |
| 15          | Đường giao thông buôn Krái                             | Ngã ba (Nhà ông Ksor Y Nroi và Ksor H Mlai) hai bên đường - Thửa 155; TBĐ số 17 | Giáp cao su Nông trường (Đất nhà Nay Y Grang) - Thửa 12; TBĐ số 102                                                                 | 200.000            |
| 16          | Đường hiện trạng $\geq 3,5m$ đã nhựa hóa, bê tông hóa  |                                                                                 |                                                                                                                                     | 160.000            |
| 17          | Đường hiện trạng $\geq 3,5m$ đường đất, đường cấp phối |                                                                                 |                                                                                                                                     | 140.000            |
| 18          | Các đường còn lại (Đã nhựa hóa, bê tông hóa)           |                                                                                 |                                                                                                                                     | 120.000            |
| 19          | Các đường còn lại (Đường đất, đường cấp phối)          |                                                                                 |                                                                                                                                     | 90.000             |
| 20          | Đường thôn 8A                                          | Cổng văn hóa thôn 8A                                                            | Cầu buôn Sek Diết xã DliêYang                                                                                                       | 220.000            |
| 21          | Đường trong khu dân cư thôn 9B                         | Đất của ông Phan Văn Huệ thôn 9b hướng đi thôn 10                               | Nhà ông Nguyễn Công Nhận                                                                                                            | 160.000            |
| 22          | Đường trong khu dân cư thôn 10                         | Đất bà Vương Thị Tăng                                                           | Cổng văn hóa thôn 10 hết đất ông Hoàng Văn Tịch                                                                                     | 160.000            |
| <b>VIII</b> | <b>Xã Ea Khăl</b>                                      |                                                                                 |                                                                                                                                     |                    |
| 1           | Quốc lộ 14                                             | Giáp địa giới thị trấn Ea Drăng (Hai bên đường)                                 | Hết ranh giới thửa đất vườn nhà ông Sáu (thửa 41; TBĐ số 119) phía Tây đường và hết ranh giới thửa đất Nhà ông Tám, phía Đông đường | 1.540.000          |

| STT | Tên đường     | Đoạn đường                                                                                                                          |                                                          | Mức giá điều chỉnh |
|-----|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------|
|     |               | Từ                                                                                                                                  | Đến                                                      |                    |
| (1) | (2)           | (3)                                                                                                                                 | (4)                                                      | (5)                |
|     |               | Hết ranh giới thửa đất vườn nhà ông Sáu (thửa 41; TBĐ số 119) phía Tây đường và hết ranh giới thửa đất Nhà ông Tám, phía Đông đường | Giáp địa giới xã Ea Nam (Hai bên đường)                  | 1.430.000          |
| 2   | Đường liên xã | Giáp địa giới thị trấn Ea Drăng (Thửa 2; TBĐ số 101)                                                                                | Hết thửa đất nhà ở của bà Thương (Thửa 21; TBĐ số 106)   | 1.760.000          |
|     |               | Hết thửa đất nhà ở của bà Thương (Thửa 14; TBĐ số 105)                                                                              | Cầu Buôn Đung (Thửa 20; TBĐ số 104)                      | 1.045.000          |
|     |               | Cầu Buôn Đung (Thửa 31; TBĐ số 97)                                                                                                  | Giáp ngã ba (Thửa đất hộ bà Mão) - thửa 68; TBĐ số 96)   | 800.000            |
|     |               | Ngã ba (Thửa đất hộ bà Mão) - Thửa 9; TBĐ số 20)                                                                                    | Cầu Lò Gạch (gần nhà ông Dũng) - Thửa 11; TBĐ số 11      | 320.000            |
|     |               | Cầu Lò gạch (gần nhà ông Dũng) - thửa 94; TBĐ số 11                                                                                 | Giáp ngã ba Rừng Nứa (Thửa 60; TBĐ số 18)                | 200.000            |
|     |               | Ngã ba Rừng Nứa (Thửa 79; TBĐ số 18)                                                                                                | Ngã ba Cây Hương (Thửa 4; TBĐ số 17)                     | 200.000            |
|     |               | Ngã ba (Vườn nhà bà Mão) - thửa 13; TBĐ số 20                                                                                       | Giáp sân bóng buôn Đung (Thửa 7; TBĐ số 29)              | 420.000            |
|     |               | Sân bóng buôn Đung (Thửa 9; TBĐ số 29)                                                                                              | Hết ranh giới nhà ông Trần Văn Diệu (Thửa 13; TBĐ số 39) | 770.000            |
|     |               | Hết ranh giới nhà ông Trần Văn Diệu (Thửa 18; TBĐ số 39)                                                                            | Giáp ngã ba cây khế thôn 8 (Thửa 59; TBĐ số 52)          | 605.000            |

| STT | Tên đường        | Đoạn đường                                                               |                                                                                 | Mức giá điều chỉnh |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|     |                  | Từ                                                                       | Đến                                                                             |                    |
| (1) | (2)              | (3)                                                                      | (4)                                                                             | (5)                |
|     |                  | Ngã ba cây khế thôn 8 (Thửa 85; TBĐ số 52)                               | Giáp địa giới xã Ea Nam (Thửa 51; TBĐ số 51)                                    | 440.000            |
|     |                  | Ngã ba cây khế thôn 8 (Thửa 105; TBĐ số 51)                              | Đầu Ranh giới thửa đất hộ ông Đinh thôn phó (Thửa 83; TBĐ số 50)                | 500.000            |
|     |                  | Đầu Ranh giới thửa đất hộ ông Đinh thôn phó (Thửa 82; TBĐ số 50)         | Giáp xã Cư Mốt (Thửa 35; TBĐ số 34)                                             | 320.000            |
|     |                  | Ranh giới thửa đất hộ ông Manh (Đường vào buôn) - Thửa 11; TBĐ số 103)   | Sân bóng buôn Đung (thửa 17; TBĐ số 109)                                        | 550.000            |
|     |                  | Hội trường thôn 9 (thửa 54; TBĐ số 80)                                   | Hội trường thôn 12(thửa 50; TBĐ số 88)                                          | 320.000            |
|     |                  | Hội trường thôn 12 (thửa 64; TBĐ số 88)                                  | Ranh giới thửa đất cây xăng Lợi Thảo (thửa 101; TBĐ số 94)                      | 500.000            |
|     |                  | Đường liên xã về mỗi phía còn lại                                        |                                                                                 | 400.000            |
| 3   | Khu vực Cư K'tây | Ngã ba Chư K'tây (Đi 03 xã Ea Tir, Ea Wy, Ea Khal - Thửa 8; TBĐ số 128)  | Hướng Ea Khal đến hết ranh giới thửa đất cây xăng Lợi Thảo (Thửa 91; TBĐ số 94) | 950.000            |
|     |                  | Ngã ba Chư K'tây (Đi 03 xã Ea Tir, Ea Wy, Ea Khal) - Thửa 6; TBĐ số 128) | Giáp đường vào mỏ đá (Hướng Ea Wy) - thửa 27; TBĐ số 127                        | 950.000            |
|     |                  | Giáp đường vào mỏ đá (Thửa 34; TBĐ số 127)                               | Giáp địa giới hành chính xã Ea Wy (Thửa 11; TBĐ số 74)                          | 400.000            |
|     |                  | Ngã ba Chư K'tây (Đi 03 xã Ea Tir, Ea Wy, Ea Khal) - thửa 28; TBĐ số 128 | Hướng Ea Tir giáp cầu Cây Sung (Thửa 11; TBĐ số 128)                            | 950.000            |
| 4   | Đường liên thôn  | Cổng chào thôn 3 (Thửa 2; TBĐ số 112)                                    | Hết ranh giới thửa đất hộ ông Trục (Thửa 63; TBĐ số                             | 600.000            |

| STT | Tên đường                                | Đoạn đường                                                      |                                                                       | Mức giá điều chỉnh |
|-----|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------|
|     |                                          | Từ                                                              | Đến                                                                   |                    |
| (1) | (2)                                      | (3)                                                             | (4)                                                                   | (5)                |
|     |                                          |                                                                 | 114)                                                                  |                    |
|     |                                          | Hết ranh giới thửa đất hộ ông Trục (Thửa 5; TBĐ số 116)         | Hết ranh giới thửa đất hộ ông Đặng Văn Thế (Thửa 90; TBĐ số 41)       | 320.000            |
|     |                                          | Ngã ba nhà ông Trục (Thửa 9; TBĐ số 116)                        | Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Lại (Thửa 52; TBĐ số 41)                    | 250.000            |
|     |                                          | Ngã ba quán ông Dương Thụ (Thửa 8; TBĐ số 113)                  | Ngã ba thửa đất hộ ông Trục (Thửa 65; TBĐ số 114)                     | 500.000            |
|     |                                          | Cầu ông Quốc (Thửa 16; TBĐ số 22)                               | Ngã tư thửa đất hộ ông Trương Văn Lại (Thửa 67; TBĐ số 41)            | 250.000            |
|     |                                          | Ngã ba trạm biến áp thôn 7 (Thửa 19; TBĐ số 85)                 | Cống thoát nước giữa thôn 7, thôn 14 (Thửa 4; TBĐ số 91)              | 320.000            |
|     |                                          | Cống thoát nước giữa thôn 7, thôn 14 (Thửa 60; TBĐ số 84)       | Hội trường thôn 14 (199; TBĐ số 71)                                   | 250.000            |
| 5   | Đường khu dân cư thôn 1, thôn 2, thôn 10 | Đầu ranh giới nhà ông Hồ Trọng Nhân (Thửa 127; TBĐ số 100)      | Đầu ranh giới nhà ông Châu Văn Trung (Thửa 12; TBĐ số 99)             | 250.000            |
|     |                                          | Ngã ba thửa đất ông Lê Quang Thêu (thôn 1) - thửa 51 TBĐ số 100 | Ngã ba thửa đất ông Phạm Bá Được (thôn 2) - thửa 60; TBĐ số 106       | 682.500            |
|     |                                          | Cổng chào thôn 1 (Đình Tiến Đông - thửa 14; TBĐ số 100)         | Đập thủy lợi thôn 1 (Nguyễn Bá Ngọc - thửa 65; TBĐ số 100)            | 682.500            |
|     |                                          | Đập thủy lợi thôn 1 (Thửa 64; TBĐ số 100)                       | Giáp địa giới hành chính TT. Ea Drăng (Thửa 11; TBĐ số 101)           | 550.000            |
|     |                                          | Ngã ba thửa đất nhà ông Đinh Minh Phú (Thửa 24; TBĐ số 100)     | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Hữu Thanh (Thửa 97; TBĐ số 100) | 550.000            |
|     |                                          | Ngã ba thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Mão (Thửa 39; TBĐ số 100)    | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Cường (Thửa 32; TBĐ số 107) | 550.000            |

| STT | Tên đường                    | Đoạn đường                                                         |                                                                        | Mức giá điều chỉnh |
|-----|------------------------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|     |                              | Từ                                                                 | Đến                                                                    |                    |
| (1) | (2)                          | (3)                                                                | (4)                                                                    | (5)                |
|     |                              | Cổng chào thôn 10 (Thửa 1; TBĐ số 99)                              | Hết ranh giới thửa đất nhà bà Trần Thị Thanh Mai (Thửa 45; TBĐ số 107) | 650.000            |
|     |                              | Ngã ba từ thửa đất nhà ông Lê Văn Hiền (Thửa 9; TBĐ số 99)         | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hoàng Công Hoàng (Thửa 66; TBĐ số 106)  | 500.000            |
|     |                              | Ngã ba từ thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Cảnh (Thửa 15; TBĐ số 99)    | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Lịch (Thửa 73; TBĐ số 106)   | 500.000            |
|     |                              | Ngã ba từ thửa đất nhà ông Lê Hữu Tích (Thửa 48; TBĐ số 99)        | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Tấn (Thửa 52; TBĐ số 106)    | 550.000            |
|     |                              | Ngã ba từ thửa đất nhà ông Lê Quang Vĩnh (Thửa 21; TBĐ số 106)     | Ngã ba thửa đất ông Phạm Bá Được (thôn 2) - thửa 60; TBĐ số 106        | 730.000            |
|     |                              | Ngã ba từ thửa đất nhà ông Vũ Văn Thức (Thửa 16; TBĐ số 105)       | Hết ranh giới thửa đất nhà bà Nguyễn Thị Lan (Thửa 39; TBĐ số 105)     | 700.000            |
|     |                              | Ngã tư thửa đất nhà ông Thái Đức Long (Thửa 6; TBĐ số 107)         | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Tuấn (Thửa 64; TBĐ số 106)   | 500.000            |
|     |                              | Đầu ranh giới thửa đất ông Trần Huyền Vân (Thửa 70; TBĐ số 106)    | Hết ranh giới thửa đất ông Võ Văn Tư (Thửa 8; TBĐ số 107)              | 600.000            |
|     |                              | Đầu ranh giới thửa đất bà Hồ Thị Tuyết Mai (Thửa 18; TBĐ số 101)   | Ngã 3 thửa đất ông Hồ Văn Bình (Thửa 22; TBĐ số 108)                   | 700.000            |
|     |                              | Cuối ranh giới thửa đất ông Trần Đình Thắng (Thửa 11; TBĐ số 108)  | Giáp địa giới hành chính thị trấn Ea Đrăng (Thửa 221; TBĐ số 101)      | 700.000            |
|     |                              | Cuối ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn Doanh (Thửa 33; TBĐ số 108) | Giáp địa giới hành chính thị trấn Ea Đrăng (Thửa 17; TBĐ số 108)       | 700.000            |
| 6   | Đường vào Nghĩa địa thị trấn | Đầu đường (Quốc lộ 14) - Thửa 2; TBĐ số 119                        | Nghĩa địa thị trấn (Thửa 11; TBĐ số 56)                                | 600.000            |
|     |                              | Nghĩa địa thị trấn (Thửa 15; TBĐ số 56)                            | Hết đường (Thửa 17; TBĐ số 56)                                         | 500.000            |

| STT       | Tên đường                                                    | Đoạn đường                                                                                                                       |                                                                                                                                  | Mức giá điều chỉnh |
|-----------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|           |                                                              | Từ                                                                                                                               | Đến                                                                                                                              |                    |
| (1)       | (2)                                                          | (3)                                                                                                                              | (4)                                                                                                                              | (5)                |
| 7         | Đường vào Thủy điện thị trấn                                 | Đầu đường (Quốc lộ 14) - Thửa 16; TBĐ số 118                                                                                     | Hết thửa đất Nguyễn Thị Giỏi (Thửa 3; TBĐ số 118)                                                                                | 350.000            |
|           |                                                              | Hết thửa đất Nguyễn Thị Giỏi (Thửa 4; TBĐ số 118)                                                                                | Hết đường (Thửa 1; TBĐ số 45)                                                                                                    | 300.000            |
| 8         | Đường đi bãi rác thị trấn                                    | Giáp địa giới hành chính TT Ea Đrăng                                                                                             | Bãi rác                                                                                                                          | 500.000            |
| 9         | Đường song song Quốc lộ 14 (Khu đất phân lô Thôn 4)          |                                                                                                                                  |                                                                                                                                  | 630.000            |
| 10        | Đường hiện trạng $\geq 3,5\text{m}$ đã bê tông hóa, nhựa hóa |                                                                                                                                  |                                                                                                                                  | 250.000            |
| 11        | Đường hiện trạng $\geq 3,5\text{m}$ đường đất, cấp phối      |                                                                                                                                  |                                                                                                                                  | 200.000            |
| 12        | Các đường còn lại (Đã nhựa hóa, bê tông hóa)                 |                                                                                                                                  |                                                                                                                                  | 160.000            |
| 13        | Các đường còn lại (Đường đất, đường cấp phối)                |                                                                                                                                  |                                                                                                                                  | 120.000            |
| <b>IX</b> | <b>Xã Dliê Yang</b>                                          |                                                                                                                                  |                                                                                                                                  |                    |
| 1         | Tỉnh lộ 15                                                   | Giáp địa giới thị trấn Ea Đrăng (Hai bên đường)                                                                                  | Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Uy Huân (Thửa 10; TBĐ số 146) phía Bắc đường và Hết ranh giới thửa 34; TBĐ số 46 phía Nam đường | 1.680.000          |
|           |                                                              | Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Uy Huân (Thửa 10; TBĐ số 146) phía Bắc đường và hết ranh giới thửa 34; TBĐ số 46 phía Nam đường | Nút giao với đường Tránh Trung tâm thị trấn Ea Đrăng                                                                             | 1.210.000          |
|           |                                                              | Nút giao với đường Tránh Trung tâm thị trấn Ea Đrăng                                                                             | Giáp ngã ba đi thôn 1                                                                                                            | 420.000            |
|           |                                                              | Ngã ba đi thôn 1                                                                                                                 | Giáp ngã tư (Hết Thửa đất nhà ông Ksor Ykít, thửa 3; TBĐ số 135)                                                                 | 620.000            |
|           |                                                              | Giáp ngã tư (Hết thửa đất nhà ông Ksor Ykít, thửa 3; TBĐ số 135)                                                                 | Ngã ba Ea Sol - Ea Hiao (Hết vườn nhà ông Hoàng Thanh Lợi, thửa 35; TBĐ số 126)                                                  | 750.000            |
|           |                                                              | Ngã ba Ea Sol - Ea Hiao (Hết vườn nhà ông Hoàng Thanh Lợi, thửa 35; TBĐ số 126)                                                  | Giáp địa giới xã Ea sol                                                                                                          | 620.000            |
| 2         | Đường giao thông Dliê Yang - Ea                              | Ngã ba Ea Sol - Ea Hiao (Vườn nhà ông Hoàng                                                                                      | Ngã ba (Giáp thửa đất nhà ông Hoàng                                                                                              | 420.000            |

| STT      | Tên đường                                                         | Đoạn đường                                                               |                                                                           | Mức giá điều chỉnh |
|----------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|          |                                                                   | Từ                                                                       | Đến                                                                       |                    |
| (1)      | (2)                                                               | (3)                                                                      | (4)                                                                       | (5)                |
|          | Hiao                                                              | Thanh Lợi, thửa 35; TBĐ số 126)                                          | Văn Nghệ - Thửa 9; TBĐ số 127)                                            |                    |
|          |                                                                   | Ngã ba (Giáp thửa đất nhà ông Hoàng Văn Nghệ - Thửa 9; TBĐ số 127)       | Giáp địa giới xã Ea Hiao                                                  | 380.000            |
| 3        | Đường giao thông nông thôn                                        | Ngã ba Tỉnh lộ 15 (Hướng buôn Sek)                                       | Ngã ba (Hết thửa đất nhà ông Lê Ba - Thửa 26; TBĐ số 139)                 | 620.000            |
|          |                                                                   | Ngã ba (Hết thửa đất nhà ông Lê Ba - Thửa 26; TBĐ số 139)                | Cầu buôn Sek                                                              | 480.000            |
|          |                                                                   | Cầu buôn Sek                                                             | Hết đất nhà ông Ađrong Y Plô (Thửa 43; TBĐ số 130)                        | 420.000            |
|          |                                                                   | Hết đất nhà ông Ađrong Y Plô (Thửa 43; TBĐ số 130)                       | Ngã tư tỉnh lộ 15 (Thửa đất nhà ông Ksor Ykít, thửa 3; TBĐ số 135)        | 280.000            |
|          |                                                                   | Ngã ba tỉnh lộ 15 (Thửa đất nhà ông Đặng Xuân Vinh, thửa 62; TBĐ số 147) | Ngã tư (Vườn nhà ông Tâm, thửa 63; TBĐ số 150)                            | 350.000            |
|          |                                                                   | Ngã ba nhà ông Trần Minh Tiến (Thửa 16; TBĐ số 124)                      | Hết đất nhà ông Nguyễn Quang Tiến (Thửa 77; TBĐ số 126)                   | 350.000            |
| 4        | Đường nội bộ trong khu dân cư Trường Chinh                        |                                                                          |                                                                           | 250.000            |
| 5        | Tỉnh lộ 14B                                                       | Ngã ba trường THCS Y Jut                                                 | Hết rẫy ông Lưu Chí Công (Thửa 36; TBĐ số 46)                             | 250.000            |
|          |                                                                   | Hết rẫy ông Lưu Chí Công (Thửa 36; TBĐ số 46)                            | Ranh giới hành chính thôn 5 (Hết rẫy ông Võ Hồng Sơn, thửa 41; TBĐ số 57) | 200.000            |
|          |                                                                   | Từ đất ông Huỳnh Trần Chúng (Thửa 15; TBĐ số 107)                        | Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Thìn (Thửa 33; TBĐ số 109)                     | 220.000            |
| 6        | Đường hiện trạng $\geq 3,5\text{m}$ đã được bê tông hoá, nhựa hóa |                                                                          |                                                                           | 180.000            |
| 7        | Đường hiện trạng $\geq 3,5\text{m}$ đường đất, đường cấp phối     |                                                                          |                                                                           | 150.000            |
| 8        | Các đường còn lại (Đã nhựa hóa, bê tông hóa)                      |                                                                          |                                                                           | 110.000            |
| 9        | Các đường còn lại (Đường đất, đường cấp phối)                     |                                                                          |                                                                           | 100.000            |
| <b>X</b> | <b>Xã Ea Tir</b>                                                  |                                                                          |                                                                           |                    |
| 1        | Đường liên xã                                                     | Cầu Cây Sung (Thửa 10;                                                   | Cầu Cây Đa (Thửa                                                          | 240.000            |

| STT       | Tên đường                                                | Đoạn đường                                              |                                                           | Mức giá điều chỉnh |
|-----------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------|
|           |                                                          | Từ                                                      | Đến                                                       |                    |
| (1)       | (2)                                                      | (3)                                                     | (4)                                                       | (5)                |
|           |                                                          | TBĐ số 12)                                              | 58; TBĐ số 17)                                            |                    |
| 2         | Đường liên thôn                                          | Hết ranh giới thửa đất hộ Cung Phụng (Thửa 4; TBĐ số 8) | Ranh giới thửa đất hộ ông Mão thôn 2 (Thửa 22; TBĐ số 5)  | 180.000            |
| 3         | Đường liên xã                                            | Cầu Cây Đa (Thửa 59; TBĐ số 17)                         | Hộ Nhà Ông Lục (X=458050.43; Y=1449835.71)                | 240.000            |
| 4         | Đường liên xã                                            | Ngã Ba ông Lục (X=458039.42; Y=1449741.55)              | Ngã Tư Trung tâm xã (X=455893.61, Y=1449603.00)           | 240.000            |
| 5         | Đường liên thôn                                          | Ngã Tư Trung tâm xã (X=455796.66; Y=1449569.19)         | Trạm 18 (X=454207.75; Y=1448804.64)                       | 240.000            |
| 6         | Đường liên xã                                            | Ngã Ba nhà ông Cẩm (Thửa 95; TBĐ số 17)                 | Cổng Chàو thôn 4 (X=455894.27; Y=1449935.34)              | 240.000            |
| 7         | Đường liên xã                                            | Cổng Chàو thôn 4 (X=455894.27; Y=1449935.34)            | Cầu suối Ea Rốc (Thửa 1; TBĐ số 20)                       | 380.000            |
| 8         | Đường liên xã                                            | Cầu suối Ea Rốc (Thửa 1; TBĐ số 20)                     | Ngã ba trường tiểu học Ea Tìr (Thửa 41; TBĐ số 29)        | 300.000            |
| 9         | Đường liên xã                                            | Ngã ba nhà ông Lục (X=458100.77; Y=1449745.77)          | Ngã ba dự án (X=459501.02; Y=1449458.74), đường về Ea Nam | 240.000            |
| 11        | Đường Liên Huyện Ea H'leo - Cư M'Gar                     | Ngã ba dự án (X=459481.28; Y=1449372.93)                | Hết buôn Tiêu A (Thửa 11; TBĐ số 26)                      | 180.000            |
|           |                                                          | Hết buôn Tiêu A (Thửa 11; TBĐ số 26)                    | Ngã ba Bình Sơn (Thửa 50; TBĐ số 33)                      | 240.000            |
|           |                                                          | Ngã ba Bình Sơn (Thửa 51; TBĐ số 33)                    | Cầu suối Ea Súp (X=453899.62; Y=1444044.95)               | 180.000            |
| 12        | Đường liên thôn                                          | Ngã ba Bình Sơn (Thửa 50; TBĐ số 33)                    | Hết ranh giới nhà ông Ninh A Sắt (Thửa 1; TBĐ số 32)      | 150.000            |
| 13        | Đường hiện trạng $\geq 3,5m$ (Đã nhựa hóa, bê tông hóa)  |                                                         |                                                           | 120.000            |
| 14        | Đường hiện trạng $\geq 3,5m$ (Đường đất, đường cấp phối) |                                                         |                                                           | 110.000            |
| 15        | Các đường còn lại (Đã nhựa hóa, bê tông hóa)             |                                                         |                                                           | 100.000            |
| 16        | Các đường còn lại (Đường đất, đường cấp phối)            |                                                         |                                                           | 90.000             |
| <b>XI</b> | <b>Xã Ea Nam</b>                                         |                                                         |                                                           |                    |
| 1         | Quốc lộ 14                                               | Từ Trụ sở UBND xã Ea Nam (Hướng đi Thị trấn             | Hết ranh giới thửa đất cây xăng Hải Hà                    | 5.000.000          |

| STT | Tên đường                                           | Đoạn đường                                                            |                                                                              | Mức giá điều chỉnh |
|-----|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|     |                                                     | Từ                                                                    | Đến                                                                          |                    |
| (1) | (2)                                                 | (3)                                                                   | (4)                                                                          | (5)                |
|     |                                                     | Ea Drăng)                                                             | (Cây xăng ông Minh cũ)                                                       |                    |
|     |                                                     | Hết ranh giới thửa đất cây xăng Hải Hà (Cây xăng ông Minh cũ)         | Giáp địa giới xã Ea Khăl                                                     | 1.500.000          |
|     |                                                     | Từ Trụ sở UBND xã Ea Nam (Hướng đi BMT)                               | Nút giao với đường tránh Trung tâm thị trấn Ea Drăng                         | 1.500.000          |
|     |                                                     | Nút giao với đường tránh Trung tâm thị trấn Ea Drăng                  | Giáp địa giới xã Cư Né                                                       | 1.000.000          |
| 2   | Đường hai bên hông chợ Ea Nam (Đường phía Đông chợ) | Đầu đường (nhà ông Lê Đình Thám - thửa 38; TBĐ số 119)                | Hết ranh giới thửa đất ở nhà bà Đinh Thị Tuyết (Thửa 103; TBĐ số 119)        | 2.880.000          |
|     |                                                     | Hết ranh giới thửa đất ở nhà bà Đinh Thị Tuyết (Thửa 103; TBĐ số 119) | Hết Ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Long Bằng (Thửa 152; TBĐ số 119)         | 2.400.000          |
| 3   | Đường hai bên hông chợ Ea Nam (Đường phía Tây chợ)  | Đầu đường nhà ông Đỗ Thị Tam (Thửa 39; TBĐ số 119)                    | Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Văn Thái (Thửa 96; TBĐ số 119)           | 2.880.000          |
|     |                                                     | Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Văn Thái (Thửa 96; TBĐ số 119)    | Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Tri Mung (Thửa 111; TBĐ số 119)          | 2.400.000          |
| 4   | Đường phía sau chợ Ea Nam                           | Đầu đường (Đất nhà ông Lương Thiên Tâm - thửa 158; TBĐ số 119)        | Giáp đường vào buôn Riêng (Đất nhà ông Nguyễn Văn Sơn - thửa 66; TBĐ số 119) | 2.340.000          |
| 5   | Đường đi thôn 2                                     | Quốc lộ 14 (Thửa 159; TBĐ số 119)                                     | Đường đi Buôn Briêng (Hết thửa 37; TBĐ số 56)                                | 500.000            |
| 6   | Đường phía sau Trụ sở UBND xã                       | Đầu đường giáp đường đi thôn 2                                        | Đường đi thôn 2a                                                             | 399.000            |
| 7   | Đường đi thôn 3                                     | Ngã ba Quốc lộ 14 đi thôn 3 (Hội trường thôn 3 - thửa 42; TBĐ số 125) | Ngã tư đường rẽ vào trường Lê Duẩn (Hết thửa 33; TBĐ số 116)                 | 472.500            |
|     |                                                     | Ngã tư đường rẽ vào trường Lê Duẩn (Hết thửa 33; TBĐ số 116)          | Ngã tư đường Tránh Trung tâm thị trấn Ea Drăng (Thửa 35; TBĐ số 115)         | 367.500            |
|     |                                                     | Ngã tư đường Tránh Trung tâm thị trấn Ea                              | Đập tràn                                                                     | 280.000            |

| STT | Tên đường                                                | Đoạn đường                                                                   |                                                               | Mức giá điều chỉnh |
|-----|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------|
|     |                                                          | Từ                                                                           | Đến                                                           |                    |
| (1) | (2)                                                      | (3)                                                                          | (4)                                                           | (5)                |
|     |                                                          | Drăng (Hết Thửa 35; TBĐ số 115)                                              |                                                               |                    |
| 8   | Đường đi buôn B'riêng                                    | Ngã ba Quốc lộ 14 (Thửa 31; TBĐ số 119)                                      | Hết ranh giới nhà Lê Ngọc Thủy (Thửa 129; TBĐ số 120)         | 1.320.000          |
|     |                                                          | Hết ranh giới nhà Lê Ngọc Thủy (Thửa 129; TBĐ số 120)                        | Ngã ba đường vào Hội trường Buôn Riêng A (Thửa 4; TBĐ số 112) | 600.000            |
|     |                                                          | Ngã ba đường vào Hội trường Buôn Riêng A (Thửa 4; TBĐ số 112)                | Hết ranh giới Hội trường thôn 5 (Thửa 20; TBĐ số 108)         | 840.000            |
|     |                                                          | Hết ranh giới Hội trường thôn 5 (Thửa 20; TBĐ số 108)                        | Ngã ba Ea Wa (Thửa 43; TBĐ số 11)                             | 390.000            |
| 9   | Đường đi thôn Ea Sir                                     | Quốc lộ 14 (Thửa 35; TBĐ số 57)                                              | Hết ranh giới Hội trường thôn Ea Sir B (Thửa 84; TBĐ số 104)  | 350.000            |
|     |                                                          | Hết ranh giới Hội trường thôn Ea Sir B (Thửa 84; TBĐ số 104)                 | Hết đường (Nhà ông Hồ Văn Sinh - Thửa 23; TBĐ số 32)          | 348.000            |
| 10  | Đường đi thôn 7                                          | Ngã ba Ea Wa (Thửa 43; TBĐ số 11)                                            | Giáp thôn 9 xã Ea Khal (Thửa 7; TBĐ số 15)                    | 350.000            |
|     |                                                          | Ngã ba Ea Wa (Hướng buôn Đung) - Thửa 45; TBĐ số 11                          | Giáp ngã ba cây khế xã Ea Khal                                | 330.000            |
| 11  | Đường song song với Quốc lộ 14                           | Thửa đất nhà ông Nguyễn Lệnh Ninh - Thửa 8; TBĐ số 117 (Đường vào Buôn Druh) | Thửa đất nhà ông Phan Văn Năm - Thửa 26; TBĐ số 125           | 550.000            |
| 12  | Đường Liên huyện Ea H'leo - Cư Mgar                      | Ngã ba Đường liên xã đi Ea Khal (Ngã 3 nông trường) - Thửa 7; TBĐ số 109     | Hết địa giới hành chính xã Ea Nam (Thửa 9; TBĐ số 86)         | 200.000            |
|     | Đường vào buôn Druh                                      | Ngã ba Quốc lộ 14 (Thửa 9; TBĐ số 117)                                       | Hết đường (Giáp nghĩa địa cũ) - Thửa 55; TBĐ số 114           | 280.000            |
| 13  | Đường song song với Quốc lộ 14 phía trước chợ Ea Nam     | Đầu đường đối diện cây Xăng Hải Hà                                           | Hết đường                                                     | 440.000            |
| 14  | Đường hiện trạng $\geq 3,5m$ (Bê tông hóa hoặc nhựa hóa) |                                                                              |                                                               | 234.000            |
| 15  | Đường hiện trạng $\geq 3,5m$ (Đường đất hoặc cấp phối)   |                                                                              |                                                               | 150.000            |
| 16  | Các đường còn lại (Đã nhựa hóa, bê tông hóa)             |                                                                              |                                                               | 120.000            |

| STT | Tên đường                                     | Đoạn đường |     | Mức giá điều chỉnh |
|-----|-----------------------------------------------|------------|-----|--------------------|
|     |                                               | Từ         | Đến |                    |
| (1) | (2)                                           | (3)        | (4) | (5)                |
| 17  | Các đường còn lại (Đường đất, đường cấp phối) |            |     | 110.000            |

## 7. Giá đất ở tại đô thị:

ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>

| STT | Tên đường                | Đoạn đường                                                                                                                               |                                                                                                                                          | Mức giá điều chỉnh |
|-----|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|     |                          | Từ                                                                                                                                       | Đến                                                                                                                                      |                    |
| (1) | (2)                      | (3)                                                                                                                                      | (4)                                                                                                                                      | (5)                |
| I   | <b>Thị trấn Ea Drăng</b> |                                                                                                                                          |                                                                                                                                          |                    |
| 1   | Ama Khê                  | Điện Biên Phủ                                                                                                                            | Trường Chinh                                                                                                                             | 960.000            |
|     |                          | Trường Chinh                                                                                                                             | Nguyễn Chí Thanh                                                                                                                         | 1.200.000          |
|     |                          | Nguyễn Chí Thanh                                                                                                                         | Giải Phóng                                                                                                                               | 1.080.000          |
| 2   | Điện Biên Phủ (TL 15)    | Giải Phóng                                                                                                                               | Trần Phú (Ngã tư ngân hàng)                                                                                                              | 6.000.000          |
|     |                          | Trần Phú (Ngã tư ngân hàng)                                                                                                              | Nguyễn Trãi                                                                                                                              | 8.400.000          |
|     |                          | Bệnh viện Đa khoa Ea H'leo                                                                                                               | Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Yên (Thửa 24; TBĐ số 42)                                                                            | 4.800.000          |
|     |                          | Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Yên (Thửa 24; TBĐ số 42)                                                                            | Hết ranh giới đất nhà ông Đỗ Văn Minh (Thửa 80; TBĐ số 42)                                                                               | 3.600.000          |
|     |                          | Hết ranh giới đất nhà ông Đỗ Văn Minh (Thửa 80; TBĐ số 42)                                                                               | Giáp địa giới xã Dliê Yang                                                                                                               | 2.640.000          |
| 3   | Giải Phóng               | Ngã ba đường vào nghĩa địa thị trấn                                                                                                      | Ngã ba đường vào thủy điện                                                                                                               | 1.680.000          |
|     |                          | Ngã ba đường vào thủy điện                                                                                                               | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Năm (Thửa 25; TBĐ số 26, Phía Đông đường) và Trần Xuân Ba (Thửa 63; TBĐ số 26, Phía Tây đường) | 1.680.000          |
|     |                          | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Năm (Thửa 25; TBĐ số 26, Phía Đông đường) và Trần Xuân Ba (Thửa 63; TBĐ số 26, Phía Tây đường) | Ngã ba đường xuống hồ sinh thái (Ngã ba nhà ông Lực, phía Đông và đường hẻm đối diện Ngã ba, phía Tây đường)                             | 2.640.000          |
|     |                          | Ngã ba đường xuống hồ sinh thái (Ngã ba nhà ông Lực, phía Đông và đường hẻm đối diện Ngã ba, phía Tây đường)                             | Cầu Ea Khăl                                                                                                                              | 3.240.000          |

| STT | Tên đường | Đoạn đường                                                                                                                         |                                                                                          | Mức giá điều chỉnh |
|-----|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|     |           | Từ                                                                                                                                 | Đến                                                                                      |                    |
| (1) | (2)       | (3)                                                                                                                                | (4)                                                                                      | (5)                |
|     |           | Cầu Ea Khăl                                                                                                                        | Nguyễn Văn Trỗi (Phía Tây đường)                                                         | 3.960.000          |
|     |           | Cầu Ea Khăl                                                                                                                        | Trần Quốc Toản (Phía Đông đường)                                                         | 3.960.000          |
|     |           | Nguyễn Văn Trỗi (Phía Tây đường)                                                                                                   | Phan Chu Trinh (Phía Tây đường)                                                          | 5.760.000          |
|     |           | Trần Quốc Toản (Phía Đông đường)                                                                                                   | Hết ranh giới thửa đất nhà bà Nguyễn Thị Thúy Đạt (Thửa 124; TBĐ số 39, Phía Đông đường) | 5.760.000          |
|     |           | Hết ranh giới thửa đất nhà bà Nguyễn Thị Thúy Đạt (Thửa 124; TBĐ số 39, Phía Đông đường)                                           | Lê Thị Hồng Gấm (Phía Đông đường)                                                        | 9.750.000          |
|     |           | Phan Chu Trinh (Phía Tây đường)                                                                                                    | Phạm Hồng Thái (Phía Tây đường)                                                          | 9.750.000          |
|     |           | Lê Thị Hồng Gấm (Phía Đông đường)                                                                                                  | Nguyễn Thị Minh Khai (Phía Đông đường)                                                   | 16.250.000         |
|     |           | Phạm Hồng Thái (Phía Tây đường)                                                                                                    | Hẻm Bình Tâm (Phía Tây đường)                                                            | 16.250.000         |
|     |           | Nguyễn Thị Minh Khai (Phía Đông đường)                                                                                             | Lê Duẩn (Phía Đông đường)                                                                | 11.050.000         |
|     |           | Hẻm Bình Tâm (Phía Tây đường)                                                                                                      | Xô Viết Nghệ Tĩnh (Phía Tây đường)                                                       | 11.050.000         |
|     |           | Lê Duẩn (Phía Đông đường)                                                                                                          | Điện Biên Phủ (Phía Đông đường)                                                          | 9.360.000          |
|     |           | Xô Viết Nghệ Tĩnh (Phía Tây đường)                                                                                                 | Ngô Gia Tự (Phía Tây đường)                                                              | 9.360.000          |
|     |           | Điện Biên Phủ (Phía Đông đường)                                                                                                    | Hết ranh giới thửa đất nhà bà Phạm Thị Nhơn (Thửa 45; TBĐ số 31, Phía Đông đường)        | 5.760.000          |
|     |           | Ngô Gia Tự (Phía Tây đường)                                                                                                        | Đường vào Nghĩa địa thị trấn (Phía Tây đường)                                            | 5.760.000          |
|     |           | Đường vào Nghĩa địa thị trấn (Phía Tây đường) và Hết ranh giới thửa đất nhà bà Phạm Thị Nhơn (Thửa 45; TBĐ số 31, Phía Đông đường) | Ngã ba (Trạm Khí tượng thủy văn)                                                         | 4.080.000          |
|     |           | Ngã ba (Trạm Khí tượng thủy văn)                                                                                                   | Đường Ama Khê (Phía Đông đường) và đường hẻm (Phía Tây đường)                            | 4.560.000          |
|     |           | Đường Ama Khê (Phía Đông đường) và đường hẻm (Phía Tây đường)                                                                      | Giáp địa giới xã Ea Răl                                                                  | 4.080.000          |
| 4   | Lê Duẩn   | Giải Phóng                                                                                                                         | Quang Trung                                                                              | 3.240.000          |

| STT | Tên đường            | Đoạn đường                                                                         |                                                                                    | Mức giá điều chỉnh |
|-----|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|     |                      | Từ                                                                                 | Đến                                                                                |                    |
| (1) | (2)                  | (3)                                                                                | (4)                                                                                | (5)                |
| 5   | Lê Thị Hồng Gấm      | Giải Phóng                                                                         | Trần Phú                                                                           | 7.150.000          |
| 6   | Lý Tự Trọng          | Điện Biên Phủ (Ngã tư ngân hàng)                                                   | Nơ Trang Long                                                                      | 4.420.000          |
|     |                      | Nơ Trang Long                                                                      | Nguyễn Chí Thanh                                                                   | 3.510.000          |
|     |                      | Nguyễn Chí Thanh                                                                   | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Phi Long (Thửa 1; TBD số 32)                 | 2.860.000          |
|     |                      | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Phi Long (Thửa 1; TBD số 32)                 | Giải Phóng                                                                         | 2.600.000          |
| 7   | Lý Thường Kiệt       | Điện Biên Phủ                                                                      | Quang Trung                                                                        | 5.520.000          |
| 8   | Mạc Thị Bưởi         | Giải Phóng                                                                         | Nguyễn Chí Thanh                                                                   | 3.000.000          |
| 9   | Ngô Gia Tự           | Giải Phóng                                                                         | Y Jút                                                                              | 3.000.000          |
|     |                      | Y Jút                                                                              | Đường hẻm (Hết ranh giới thửa 128 cũ phía Nam và thửa 112 phía Bắc; TBD số 16 mới) | 2.160.000          |
|     |                      | Đường hẻm (Hết ranh giới thửa 128 cũ phía Nam và thửa 112 phía Bắc; TBD số 16 mới) | Hết đường (Giáp đường vành đai phía Tây)                                           | 1.800.000          |
|     |                      |                                                                                    |                                                                                    |                    |
| 10  | Nguyễn Chí Thanh     | Nguyễn Thị Minh Khai                                                               | Nơ Trang Long                                                                      | 5.980.000          |
|     |                      | Nơ Trang Long                                                                      | Lý Tự Trọng                                                                        | 4.680.000          |
|     |                      | Lý Tự Trọng                                                                        | Ama Khê                                                                            | 2.600.000          |
| 11  | Nguyễn Thị Minh Khai | Giải Phóng                                                                         | Trần Phú                                                                           | 9.100.000          |
| 12  | Nguyễn Trãi          | Điện Biên Phủ                                                                      | Hết đường                                                                          | 3.000.000          |
| 13  | Nguyễn Văn Trỗi      | Giải Phóng                                                                         | Giáp địa giới xã Ea Khăl                                                           | 2.080.000          |
| 14  | Nguyễn Văn Cừ        | Xô Viết Nghệ Tĩnh                                                                  | Phan Chu Trinh                                                                     | 3.380.000          |
|     |                      | Phan Chu Trinh                                                                     | Giáp địa giới xã Ea Khăl (Đường dây 500KV)                                         | 2.240.000          |
| 15  | Nơ Trang Long        | Giải Phóng                                                                         | Trường Chinh                                                                       | 4.800.000          |
| 16  | Phạm Hồng Thái       | Giải Phóng                                                                         | Nguyễn Văn Cừ                                                                      | 1.200.000          |
| 17  | Phan Chu Trinh       | Giải Phóng                                                                         | Nguyễn Văn Cừ                                                                      | 2.340.000          |
| 18  | Quang Trung          | Nơ Trang Long                                                                      | Ngã ba đường Lê Duẩn và Quang Trung (Thửa đất nhà ông Tuấn)                        | 4.800.000          |
|     |                      | Ngã ba đường Lê Duẩn và Quang Trung (Thửa đất nhà ông Tuấn)                        | Trần Phú                                                                           | 4.160.000          |

| STT | Tên đường                          | Đoạn đường                                                                                            |                                                                                                       | Mức giá điều chỉnh |
|-----|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|     |                                    | Từ                                                                                                    | Đến                                                                                                   |                    |
| (1) | (2)                                | (3)                                                                                                   | (4)                                                                                                   | (5)                |
|     |                                    | Trần Phú                                                                                              | Trần Quốc Toàn                                                                                        | 2.400.000          |
| 19  | Trần Phú                           | Điện Biên Phủ                                                                                         | Đường Chợ khu A - B<br>(Thửa đất nhà ông Đỗ Hồng Thái, thửa 21; TBĐ số 56)                            | 10.200.000         |
|     |                                    | Đường Chợ khu A - B<br>(Thửa đất nhà ông Đỗ Hồng Thái, thửa 21; TBĐ số 56)                            | Lê Thị Hồng Gấm                                                                                       | 7.700.000          |
|     |                                    | Lê Thị Hồng Gấm                                                                                       | Giải Phóng                                                                                            | 3.000.000          |
| 20  | Trần Quốc Toàn                     | Điện Biên Phủ                                                                                         | Hết thửa đất hộ ông Nguyễn Thành (Thửa 59; TBĐ số 37 phía Bắc và hết ranh giới thửa đất 24, tờ BĐ 40) | 4.800.000          |
|     |                                    | Hết thửa đất hộ ông Nguyễn Thành (Thửa 59; TBĐ số 37 phía Bắc và hết ranh giới thửa đất 24, tờ BĐ 40) | Giải Phóng                                                                                            | 5.400.000          |
| 21  | Trường Chinh                       | Điện Biên Phủ                                                                                         | Nơ Trang Long                                                                                         | 5.040.000          |
|     |                                    | Nơ Trang Long                                                                                         | Ama Khê                                                                                               | 2.520.000          |
|     |                                    | Ama Khê                                                                                               | Hết đường                                                                                             | 1.080.000          |
| 22  | Xô Viết Nghệ Tĩnh                  | Giải Phóng                                                                                            | Hết thửa đất Nhà máy mũ Công ty cao su Ea H'Leo                                                       | 4.800.000          |
| 23  | Y Jút                              | Xô Viết Nghệ Tĩnh                                                                                     | Hết đường                                                                                             | 2.640.000          |
| 24  | Đường xuống đập                    | Tỉnh lộ 15                                                                                            | Đập Ea Đrang                                                                                          | 3.600.000          |
| 25  | Đường vào Ea Khăl                  | Nguyễn Văn Cừ                                                                                         | Giáp Nông trường cao su Ea Khal                                                                       | 2.600.000          |
| 26  | Đường chợ thị trấn (Phân khu A, B) | Giải Phóng                                                                                            | Trần Phú                                                                                              | 10.800.000         |
| 27  | Đường đi bãi rác                   | Giải Phóng                                                                                            | Hết đường                                                                                             | 1.440.000          |
| 28  | Đường vào Nghĩa địa thị trấn       | Giải Phóng                                                                                            | Hết đường                                                                                             | 600.000            |
| 29  | Đường vào Thủy điện thị trấn       | Giải Phóng                                                                                            | Hết đường                                                                                             | 480.000            |
| 30  | Đường vành đai hồ Sinh Thái        | Giải Phóng (Ngã ba nhà ông Lực)                                                                       | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Minh Lợi (Thửa 2, thửa 7; TBĐ số 23)                              | 960.000            |
|     |                                    | Hết ranh giới thửa đất                                                                                | Hết ranh giới thửa đất                                                                                | 2.160.000          |

| STT | Tên đường                                                                                                  | Đoạn đường                                                                                                              |                                                                                    | Mức giá điều chỉnh |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|     |                                                                                                            | Từ                                                                                                                      | Đến                                                                                |                    |
| (1) | (2)                                                                                                        | (3)                                                                                                                     | (4)                                                                                | (5)                |
|     |                                                                                                            | nhà ông Trần Minh Lợi - Thửa 7; TBĐ số 23 (Phía Tây đường)                                                              | nhà nghỉ Hoàng Long (Phía Nam đường)                                               |                    |
|     |                                                                                                            | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Minh Lợi - Thửa 2; TBĐ số 23 (Phía Đông đường)                                      | Hết ranh giới thửa đất nhà bà Doãn Thị Nga - Thửa 131; TBĐ số 20 (Phía Đông đường) | 1.430.000          |
|     |                                                                                                            | Hết ranh giới thửa đất nhà bà Doãn Thị Nga - Thửa 131; TBĐ số 20 (Phía Đông đường)                                      | Đến đường hẻm (Phía Bắc đường), đối diện nhà nghỉ Hoàng Long                       | 1.800.000          |
|     |                                                                                                            | Hết ranh giới thửa đất nhà nghỉ Hoàng Long (Phía Nam đường) và đường hẻm (Phía Bắc đường), đối diện nhà nghỉ Hoàng Long | Giải Phóng (Ngã ba Trường TH Thuận Mỹ)                                             | 900.000            |
| 31  | Đường đi Nhà máy nước sạch                                                                                 | Ngô Gia Tự (Ngã tư nhà ông Trần Văn Lễ - Thửa 144; TBĐ số 16)                                                           | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Vũ Văn Thọ (Thửa 19; TBĐ số 16)                     | 900.000            |
| 32  | Đường vành đai phía Tây                                                                                    | Xô Viết Nghệ Tĩnh                                                                                                       | Ngô Gia Tự                                                                         | 2.080.000          |
|     |                                                                                                            | Ngô Gia Tự                                                                                                              | Đường đi bãi rác                                                                   | 1.300.000          |
|     |                                                                                                            | Nút giao đường đi bãi rác huyện (Thửa đất nhà ông Bùi Văn Luận)                                                         | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trương Tuấn Chính                                   | 960.000            |
| 33  | Đường vành đai phía Đông (TDP8 đi TDP9)                                                                    | Lý Tự Trọng                                                                                                             | Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hoàng Ngọc Tuấn                                     | 900.000            |
| 34  | Đường hiện trạng $\geq 3,5\text{m}$ đã nhựa hóa, bê tông                                                   |                                                                                                                         |                                                                                    | 864.000            |
| 35  | Đường hiện trạng $\geq 3,5\text{m}$ đã nhựa hóa, bê tông (Nhân dân tự đầu tư)                              |                                                                                                                         |                                                                                    | 720.000            |
| 36  | Đường hiện trạng $\geq 3,5\text{m}$ cấp phối, đất (Tính cho cả tuyến đường, tính chiều rộng đoạn nhỏ nhất) |                                                                                                                         |                                                                                    | 576.000            |
| 37  | Các đường còn lại                                                                                          | Đường đã nhựa hoặc bê tông hóa                                                                                          |                                                                                    | 504.000            |
|     |                                                                                                            | Đường đất, cấp phối                                                                                                     |                                                                                    | 300.000            |
| 44  | Nguyễn Chánh                                                                                               | Đặng Thái Thân                                                                                                          | Đến hết ranh giới nhà ông Nguyễn kiểm thửa 32, tờ 34                               | 300.000            |
| 45  | Hoàng Hoa Thám                                                                                             | Thanh Tịnh                                                                                                              | Hết đường (hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Đảo)                              | 360.000            |

8. Bảng giá đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn và đô thị được quy định bằng 80% của giá đất ở liền kề đã được quy định theo bảng giá đất ở và được điều chỉnh chiều sâu của thửa đất (hoặc khu đất) theo quy định của UBND tỉnh.

9. Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn và đô thị được quy định bằng 60% của giá đất ở liền kề đã được quy định theo bảng giá đất ở và được điều chỉnh chiều sâu của thửa đất (hoặc khu đất) theo quy định của UBND tỉnh.

10. Bảng giá đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất xây dựng công trình sự nghiệp được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất được quy định theo giá đất ở liền kề đã được quy định theo bảng giá đất ở. Đối với đất xây dựng công trình sự nghiệp được Nhà nước cho thuê đất: quy định bằng 80% của giá đất ở liền kề đã được quy định theo bảng giá đất ở và được điều chỉnh chiều sâu của thửa đất (hoặc khu đất) theo quy định của UBND tỉnh,

11. Bảng giá đất sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh được quy định bằng 60% của giá đất ở liền kề đã được quy định theo bảng giá đất ở và được điều chỉnh chiều sâu của thửa đất (hoặc khu đất) theo quy định của UBND tỉnh.